

BÁO CÁO NGHIÊN CỨU

Thị trường cung ứng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh

Hiện trạng và hướng giải quyết

Hà Nội, Tháng 12/2018



LỜI NÓI ĐẦU

Thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp bên cạnh các hoạt động rà soát, hoàn thiện hệ thống pháp luật, cắt giảm điều kiện kinh doanh, cải cách thủ tục hành chính... cũng cần có những nỗ lực nhằm phát triển thị trường cung ứng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh. Nếu được sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh chuyên nghiệp, chất lượng cao với chi phí phù hợp, các doanh nghiệp có thể chuyên môn hóa hoạt động của mình, tập trung nguồn lực vào những khâu có lợi thế cạnh tranh trong quá trình sản xuất kinh doanh, cũng như giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động.

Với mục tiêu nhận diện hiện trạng của thị trường cung ứng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh tại Việt Nam hiện nay và tìm kiếm các giải pháp nhằm phát triển thị trường cung ứng đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng doanh nghiệp, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) với sự hỗ trợ của Viện Friedrich Naumann (FNF) CHLB Đức đã tiến hành nghiên cứu “Thị trường cung ứng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh: Thực trạng và hướng cải thiện”. Nghiên cứu này được thực hiện bởi nhóm chuyên gia Ban Pháp chế, VCCI gồm: Ông Đậu Anh Tuấn, Trưởng ban Pháp chế, Ông Phạm Ngọc Thạch, Phó Trưởng ban Pháp chế, Bà Lê Thanh Hà, Bà Phan Minh Thủy, Bà Bùi Linh Chi, Bà Tạ Thanh Hoa cùng nhiều chuyên gia khác.

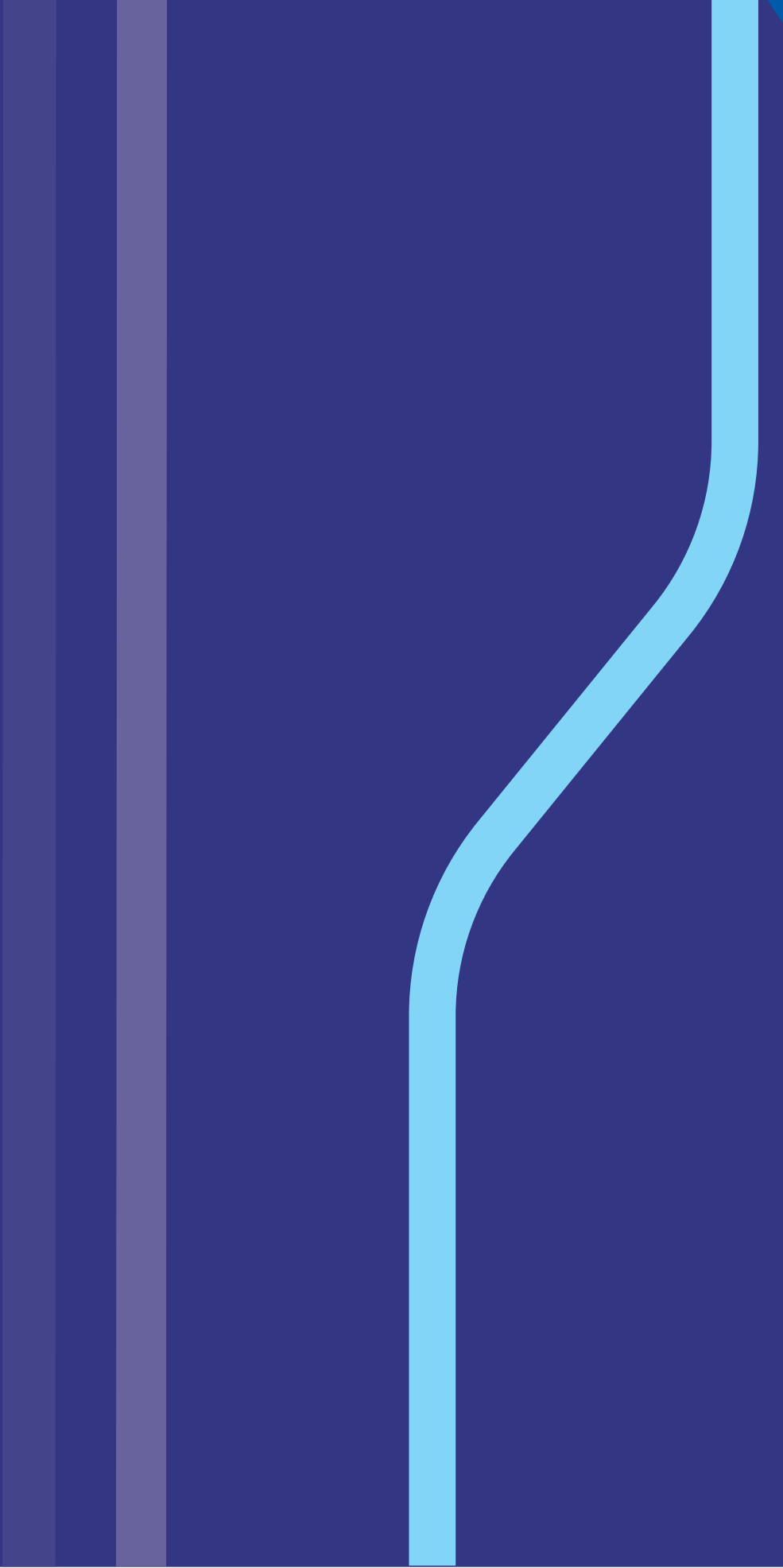
Nghiên cứu này nhận được sự ủng hộ tích cực và chỉ đạo sát sao của TS Vũ Tiến Lộc, Chủ tịch Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam trong quá trình thực hiện. Nhóm nghiên cứu cũng nhận được sự hỗ trợ rất quý báu của Ông Mark Stanitzki, Giám đốc khu vực Việt Nam, Viện Friedrich Naumann (FNF) CHLB Đức và TS Phạm Hùng Tiến, Phó Giám đốc FNF trong suốt quá trình triển khai. TS. Nguyễn Phương Bắc (Viện trưởng Viện nghiên cứu kinh tế, xã hội Bắc Ninh), Ông Nguyễn Hữu Thập (Chủ tịch Hiệp hội doanh nghiệp (HHDN) tỉnh Tuyên Quang), Ông Nguyễn Nhân Phương (Chủ tịch HHDN nhỏ và vừa tỉnh Bắc Ninh), Bà Phạm Thị Hồng Thủy (Chủ tịch HHDN tỉnh Vĩnh Phúc), Ông Đường Trọng Khang (Phó Chủ tịch thường trực HHDN tỉnh Vĩnh Phúc), Ông Nguyễn Đình Cư (Phó Chủ tịch Hội Tư vấn thuế Việt Nam), Luật sư Trương Thanh Đức (Chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty Luật BASICO), Ông Lê Văn Quân (Giám đốc Trung tâm Hỗ trợ DNNVV, Sở KHĐT Tp. Hà Nội), Ông Nguyễn Mạnh Thàn (Chủ tịch HHDN tỉnh Phú Thọ)... cùng nhiều chuyên gia và lãnh đạo doanh nghiệp đã cung cấp các thông tin và góp ý quan trọng cho việc xây dựng và hoàn thiện nội dung báo cáo.

Nhóm nghiên cứu hy vọng ấn phẩm này sẽ cung cấp một số thông tin hữu ích cho việc thúc đẩy phát triển thị trường cung ứng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp tại Việt Nam. Các nhận định và ý kiến đánh giá trình bày trong báo cáo này là của nhóm nghiên cứu, không nhất thiết đại diện cho quan điểm của VCCI, Viện FNF, hay những cá nhân hoặc tổ chức nêu trên.

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
GIỚI THIỆU	4
Bối cảnh	6
Mục tiêu	8
Phương pháp	9
HIỆN TRẠNG THỊ TRƯỜNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ	10
Số lượng tổ chức tham gia thị trường cung ứng dịch vụ	12
Sự tham gia của khu vực tư nhân vào thị trường cung ứng dịch vụ	15
Nhu cầu sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của doanh nghiệp	18
Sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh	22
Mong muốn tiếp tục sử dụng dịch vụ	30
HIỆU QUẢ CỦA VIỆC SỬ DỤNG DỊCH VỤ HỖ TRỢ KINH DOANH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP	34
Đối với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh	36
Đối với hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh	39
Đối với việc cung ứng cho các doanh nghiệp FDI hoặc xuất khẩu	40
Đối với triển vọng hoạt động của doanh nghiệp	46
MỘT SỐ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CUNG ỨNG CÁC DVHTKD	50
Thiếu hụt thông tin về thị trường cung ứng DVHTKD	52
Khó khăn trong gia nhập thị trường của các nhà cung cấp tư nhân	53
Việc cung ứng dịch vụ vẫn theo hướng truyền thống, ít gắn với thị trường	54
Hình thành thị trường cung ứng DVHTKD không chính thức	57
KẾT LUẬN	58

01





GIỚI THIỆU

6 Bối cảnh

8 Mục tiêu

9 Phương pháp

Bối cảnh

Các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh (DVHTKD) nói chung thường được xác định là “những dịch vụ giúp cải thiện hoạt động của các doanh nghiệp, việc tiếp cận thị trường và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp (như đào tạo, tư vấn, marketing, thông tin, phát triển và chuyển giao công nghệ, xúc tiến thương mại...), cả về chiến lược (từ những vấn đề trung hạn tới dài hạn giúp cải thiện hiệu quả hoạt động) và trong hoạt động vận hành (các vấn đề thường ngày) của doanh nghiệp...”¹

Các DVHTKD có vai trò quan trọng đối với sự phát triển của các doanh nghiệp, đặc biệt là các doanh nghiệp nhỏ và vừa. Nhiều nghiên cứu trên thế giới đã chỉ ra việc sử dụng các DVHTKD có thể giúp các doanh nghiệp nắm bắt và tận dụng tốt hơn các cơ hội kinh doanh, điều chỉnh và thích ứng kịp thời với những biến động của thị trường, vận hành hiệu quả hơn về chi phí, cũng như tối ưu hóa về mặt tổ chức và chiến lược kinh doanh... Nhờ sử dụng các DVHTKD chuyên nghiệp, có chất lượng, các DNNVV có thể chuyên môn hóa hoạt động khi có thể tập trung nguồn lực vào những khâu có lợi thế cạnh tranh trong quá trình sản xuất kinh doanh, cũng như giảm thiểu rủi ro trong quá trình hoạt động. Chính vì vậy, nhiều nước trên thế giới đã có chính sách phát triển thị trường cung ứng DVHTKD, nhằm thúc đẩy sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp.

Việt Nam đã xác định doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp tư nhân là động lực nâng cao sức cạnh tranh và tính tự chủ của nền kinh tế. Năm 2016, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 35 về hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp đến năm 2020, trong đó đặt ra mục tiêu “đến năm 2020, xây dựng doanh nghiệp Việt Nam có năng lực cạnh tranh, phát triển bền vững, cả nước có ít nhất 1 triệu doanh nghiệp hoạt động”. Để tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp, song song với hoạt động cải thiện môi trường kinh doanh, Việt Nam đang tiếp tục hội nhập sâu vào kinh tế toàn cầu thông qua việc tham gia và ký kết một loạt các hiệp định thương mại quốc tế, như Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC), ký kết Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (EVFTA), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – Liên minh Kinh tế Á Âu (EAEU), Việt Nam – Nhật Bản, Việt Nam – Hàn Quốc... và gần đây nhất là Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ Xuyên Thái Bình Dương (CPTPP)... Cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam đang đứng trước những cơ hội lớn để phát triển khi Việt Nam hội nhập sâu hơn vào nền kinh tế toàn cầu.

Tuy nhiên, liệu những cơ hội đó có trở thành lợi ích thực sự cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam? Nhiều số liệu thống kê gần đây đã cho thấy những dấu hiệu đáng lưu ý. Dù môi trường kinh doanh có cải thiện và cơ hội tham gia vào nền kinh tế toàn cầu gia tăng, nhưng trong năm 2017, bên cạnh 10 doanh nghiệp thành lập mới, thì có tới 6 doanh nghiệp phải đóng cửa, tạm ngừng hoạt động, thậm chí giải thể. Mục tiêu có 1 triệu doanh nghiệp hoạt động vào năm 2020 đặt ra tại Nghị quyết 35/NQ-CP năm 2016 do vậy khó trở thành hiện thực, khi tính tới tháng 5/2018, Việt Nam mới có khoảng 600 ngàn doanh nghiệp đang hoạt động. Số doanh nghiệp này vẫn chỉ đóng góp chưa tới 15% tổng GDP của Việt Nam trong năm vừa qua. Bên cạnh đó, ở khu vực doanh nghiệp trong nước, với gần 550.000 doanh nghiệp cũng chỉ đóng góp chưa tới 28% tổng kim ngạch

1: Ủy ban các nhà tài trợ cho sự phát triển của doanh nghiệp nhỏ Các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh: Những nguyên tắc hướng dẫn cho các nhà tài trợ, năm 2001, truy cập tại <https://www.enterprise-development.org/wp-content/uploads/BDS-Guiding-Principles-2001-English.pdf>

xuất nhập khẩu 400 tỷ USD của Việt Nam năm 2017, số 72% còn lại do sự đóng góp của chưa tới 20.000 doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (FDI) tại Việt Nam. Điều tra Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) của VCCI cũng cho thấy mối liên kết lỏng lẻo giữa doanh nghiệp tư nhân trong nước và doanh nghiệp FDI: chưa đến 14% doanh nghiệp dân doanh trong nước tham gia chuỗi cung ứng cho các doanh nghiệp nước ngoài hoặc doanh nghiệp FDI tại Việt Nam. Đó là chưa kể đến các doanh nghiệp trong nước của Việt Nam đang phải đối mặt với áp lực cạnh tranh to lớn và ngày một gia tăng từ các doanh nghiệp nước ngoài, khi các cam kết mở cửa thị trường nội địa đang từng bước được thực hiện.

Để biến các cơ hội trở thành lợi ích thực sự cho cộng đồng doanh nghiệp Việt Nam, cũng như giảm thiểu những thách thức từ quá trình hội nhập kinh tế quốc tế ngày một sâu rộng đang diễn ra, thì việc tăng cường năng lực cho các doanh nghiệp Việt Nam, thông qua việc phát triển thị trường cung ứng DVHTKD là điều hết sức cần thiết. Nghiên cứu PCI đã chỉ ra rằng sự phát triển của các DVHTKD (từ tìm kiếm thông tin kinh doanh, xúc tiến thương mại, tư vấn pháp luật, dịch vụ về công nghệ, đào tạo về quản trị doanh nghiệp, dịch vụ về lao động...) trừ 5 thành phố trực thuộc trung ương, thì tại phần lớn các tỉnh, thành phố tại Việt Nam còn rất hạn chế, thậm chí có chất lượng thấp. Điều này có thể lý giải ít nhiều cho hiện tượng số lượng doanh nghiệp tạm ngưng hoạt động, giải thể, phá sản đang gia tăng, khi họ không tìm kiếm được những dịch vụ tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp cần thiết cho quá trình tái cơ cấu để duy trì hoạt động.

Do vậy, trong năm 2018, Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và Viện Friedrich Naumann (FNF) triển khai nghiên cứu “Thị trường cung ứng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh”, nhằm tìm kiếm các giải pháp giúp tạo lập thị trường cung ứng các DVHTKD chất lượng cao, hiệu quả, đáp ứng được nhu cầu phát triển mạnh mẽ của doanh nghiệp hiện nay, cũng như trong tương lai của Việt Nam.

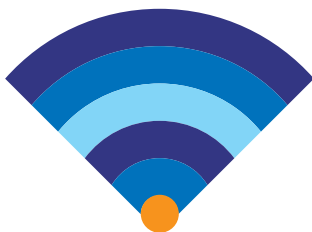
Mục tiêu

Mục tiêu tổng thể của Báo cáo này là “thúc đẩy phát triển thị trường cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh nhằm tạo thuận lợi cho sự phát triển doanh nghiệp tại Việt Nam”.

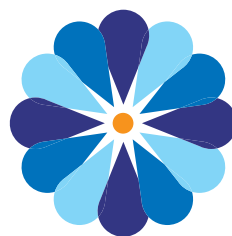
Mục tiêu cụ thể, gồm:



Nhận diện thực trạng cung cấp các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh hiện nay tại các tỉnh, thành phố của Việt Nam



Tìm hiểu một số vai trò của các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh đối với hoạt động của doanh nghiệp



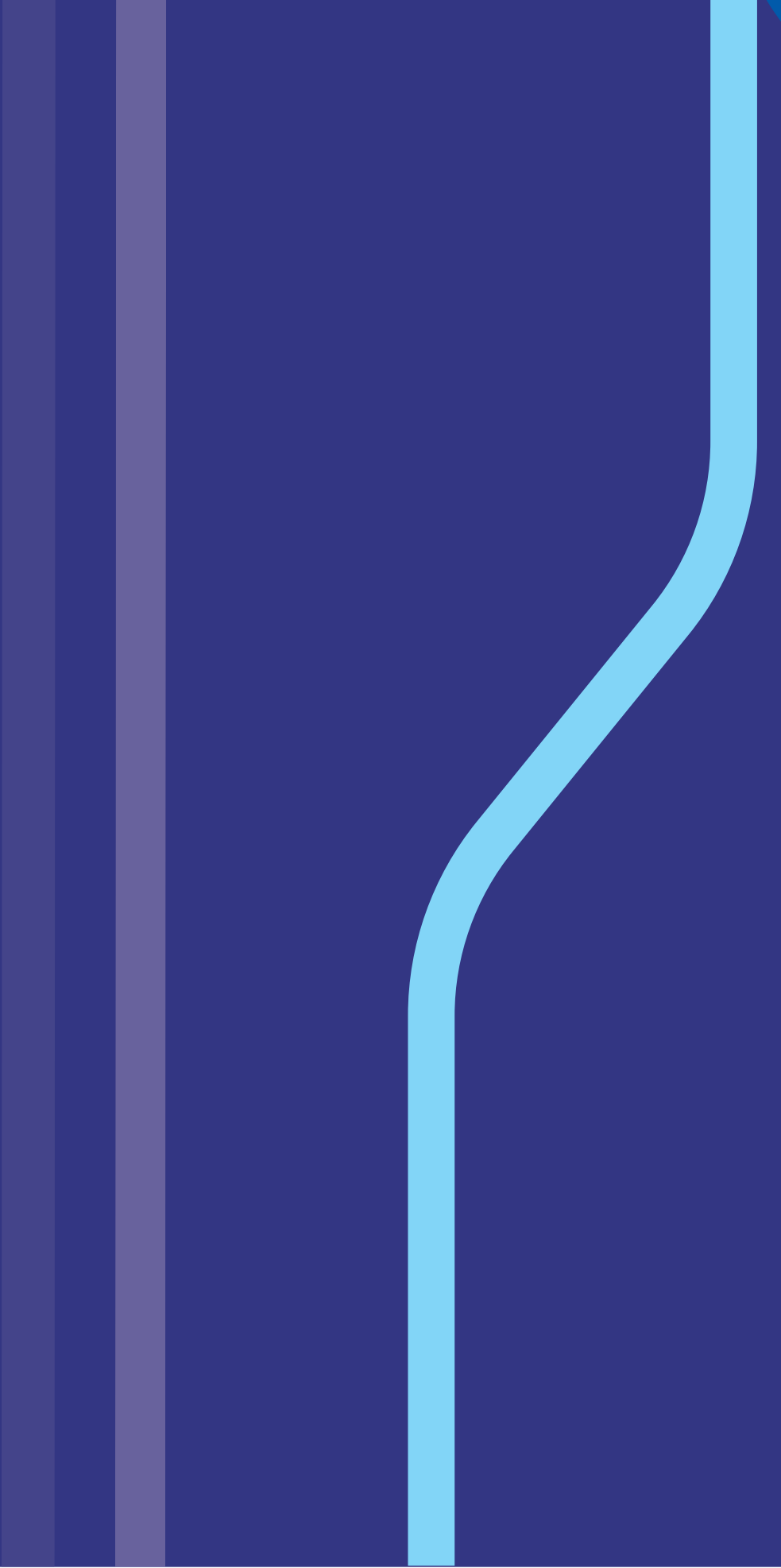
Xác định các giải pháp để thúc đẩy phát triển thị trường cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh tại Việt Nam

Phương pháp

Báo cáo này sử dụng kết quả khảo sát trên 10.000 doanh nghiệp của Dự án Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Cơ quan Phát triển quốc tế Hoa Kỳ tiến hành nghiên cứu và công bố thường niên, nhằm tìm hiểu hiện trạng cung ứng các DVHTKD. Kế thừa từ kết quả điều tra sẵn có, phạm vi các DVHTKD trong báo cáo này chỉ tập trung vào một số dịch vụ cơ bản, đó là tìm kiếm thông tin thị trường, tư vấn pháp luật, tuyển dụng và giới thiệu việc làm, hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh, xúc tiến thương mại và triển lãm thương mại, công nghệ và các chương trình đào tạo liên quan tới công nghệ, đào tạo về kế toán và tài chính, đào tạo về quản trị và kinh doanh. Đối với những dịch vụ này, điều tra PCI 2017 đi vào tìm hiểu về nhu cầu sử dụng các dịch vụ cụ thể, cùng với việc có sử dụng dịch vụ trên thực tế hay không và do đối tượng nào cung cấp (nhà nước hay tư nhân). Do những giới hạn về phạm vi nêu trên, nên báo cáo này chỉ đưa ra những đánh giá sơ bộ về thị trường cung ứng một số DVHTKD cơ bản. Để có những đánh giá toàn diện, chi tiết, sẽ cần có những điều tra, nghiên cứu chuyên sâu hơn về chủ đề này.

Bên cạnh việc xử lý số liệu từ Điều tra PCI, nhóm nghiên cứu của VCCI còn tiến hành phỏng vấn sâu tại 8 tỉnh, thành phố trên cả nước. Cụ thể, đó là một số cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp tại Tuyên Quang, Bắc Ninh, Long An, Bình Dương, Thừa Thiên Huế, Quảng Nam, Đà Nẵng và Hà Nội. Đối tượng phỏng vấn bao gồm các doanh nghiệp, hiệp hội doanh nghiệp, luật sư và một số cán bộ nhà nước. Các cuộc phỏng vấn này nhằm tìm hiểu thêm thực trạng cung ứng dịch vụ tại các địa phương, nhu cầu sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của cộng đồng doanh nghiệp, cũng như tìm kiếm các những giải pháp cải thiện chất lượng cung ứng các DVHTKD đáp ứng nhu cầu phát triển của cộng đồng doanh nghiệp.

02





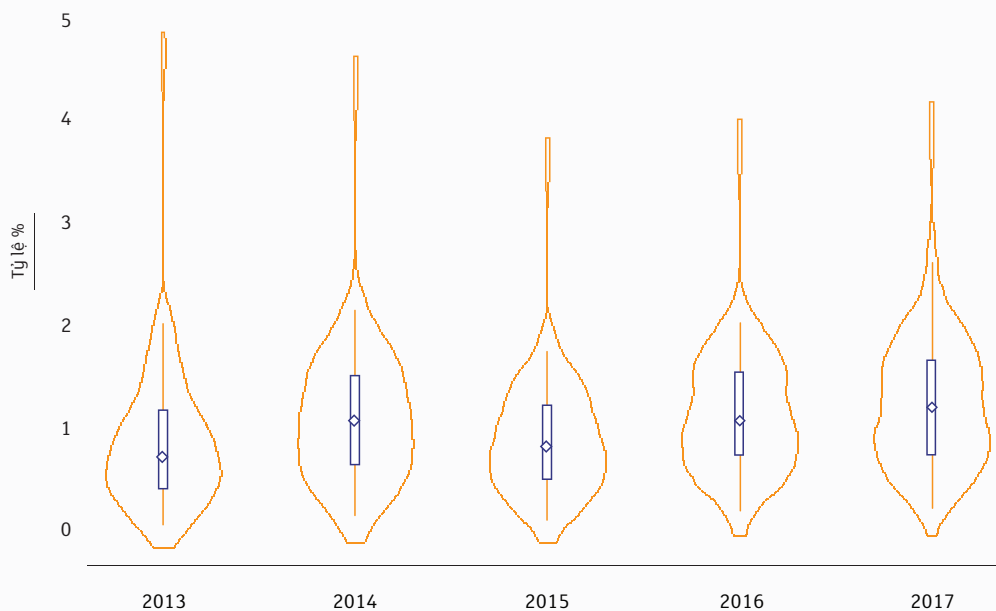
HIỆN TRẠNG THỊ TRƯỜNG CUNG ỨNG DỊCH VỤ

- 12 Số lượng tổ chức tham gia thị trường cung ứng dịch vụ
- 15 Sự tham gia của khu vực tư nhân vào thị trường cung ứng dịch vụ
- 18 Nhu cầu sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của doanh nghiệp
- 22 Sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh
- 30 Mong muốn tiếp tục sử dụng dịch vụ

Số lượng tổ chức tham gia thị trường cung ứng dịch vụ

Trong tổng số 561.000 doanh nghiệp đang hoạt động tại Việt Nam năm 2017², trung bình có khoảng 1,2% có đăng ký ngành nghề liên quan tới các DVHTKD. Tình thấp nhất có khoảng 0,15% trong tổng số doanh nghiệp trên địa bàn tham gia cung ứng dịch vụ, nơi cao nhất của năm 2017 là khoảng 3,9%. Số doanh nghiệp tham gia thị trường cung ứng DVHTKD đã tăng đáng kể, cả về con số lẫn tỷ lệ trong tổng thể: Từ khoảng 3.000 doanh nghiệp vào năm 2013 (chiếm 0,82% tổng số doanh nghiệp), lên khoảng 6.700 doanh nghiệp vào năm 2017 (chiếm 1,2% tổng số doanh nghiệp).

Hình 1: Tỷ lệ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh trên tổng số doanh nghiệp

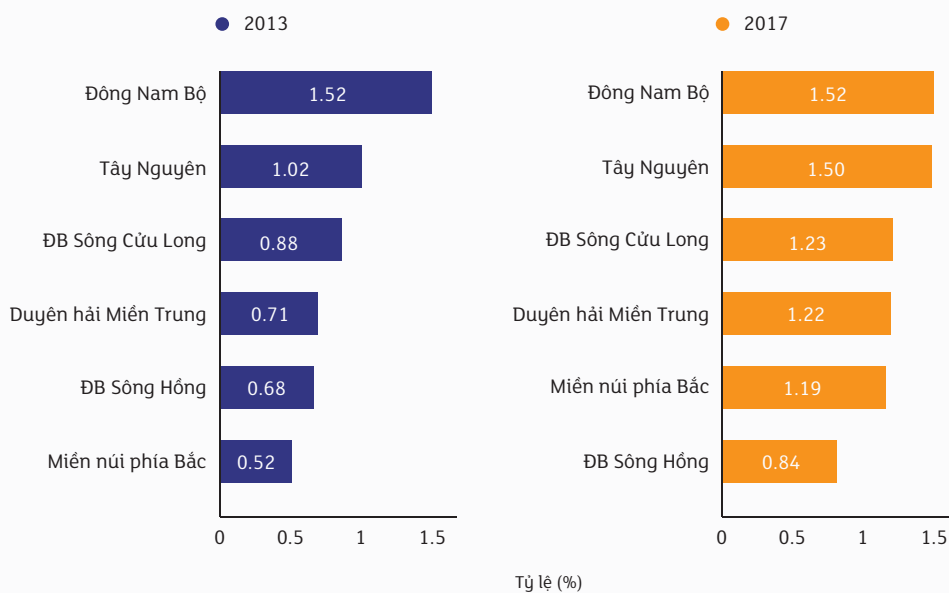


Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI

2: Cả nước có 561.064 doanh nghiệp đang hoạt động, Thời báo Tài chính, ngày 6/2/2018.

Vùng Đông Nam Bộ, nơi có hoạt động kinh tế sôi động nhất, có tỷ lệ doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ cao nhất (1,52%) vào năm 2017. Trong khi đó, vùng Đồng bằng Sông Hồng lại có tỷ lệ doanh nghiệp cung ứng dịch vụ trong tổng số doanh nghiệp thấp nhất (0,84%). Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia cung ứng dịch vụ trong tổng số doanh nghiệp năm 2017 đã có sự gia tăng ở hầu hết tất cả các vùng so với năm 2013. Ngoại trừ vùng Đông Nam bộ có tỷ lệ doanh nghiệp cung ứng dịch vụ vẫn ở mức 1,52% sau 5 năm, thì vùng có sự gia tăng đáng kể nhất là Khu vực Trung du Miền núi Phía Bắc (MNPB) (0,67 điểm phần trăm), kể đến là vùng Duyên hải Miền Trung (DHMT) (0,52 điểm phần trăm), Tây Nguyên (0,48 điểm phần trăm), Đồng bằng Sông Cửu Long (ĐBSCL) (0,35 điểm phần trăm) và Đồng bằng Sông Hồng (0,16 điểm phần trăm).

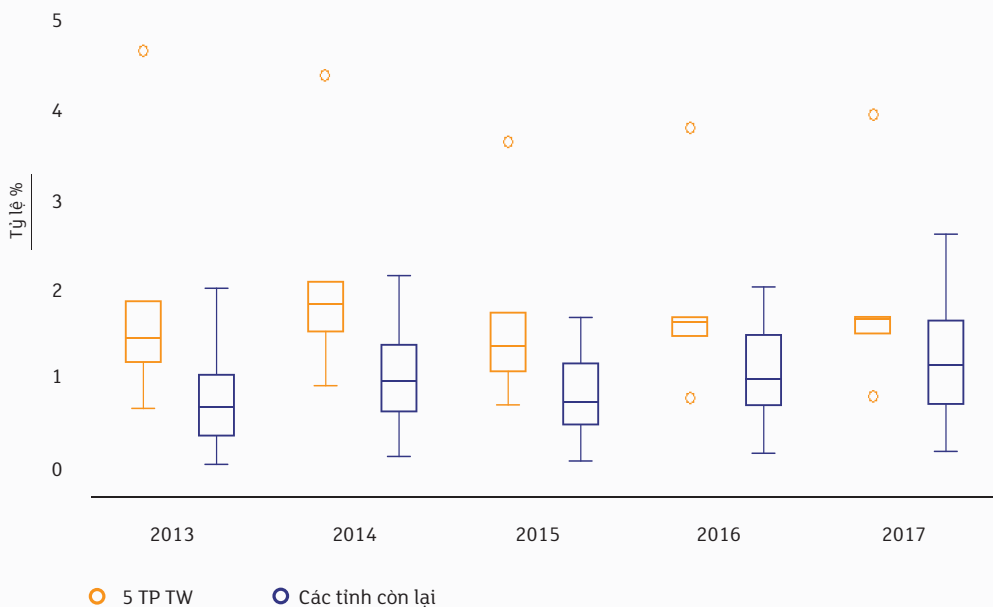
Hình 2: Tỷ lệ DN cung cấp dịch vụ trên tổng số DN so sánh các vùng



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI

Các doanh nghiệp cung ứng DVHTKD có xu hướng tập trung ở 5 thành phố trực thuộc trung ương. Tỷ lệ doanh nghiệp cung ứng dịch vụ trong tổng số doanh nghiệp ở 5 thành phố trực thuộc trung ương là cao đáng kể so những các tỉnh còn lại. Cụ thể, riêng trong năm 2017, trung bình tỷ lệ doanh nghiệp cung ứng dịch vụ trong tổng số doanh nghiệp tại 5 thành phố trực thuộc trung ương là khoảng 1,88%, tại 58 tỉnh còn lại, con số này ước tính chỉ ở mức 1,15%.

Hình 3: Tỷ lệ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh trên tổng số doanh nghiệp so sánh giữa 5 thành phố trực thuộc trung ương và các tỉnh còn lại

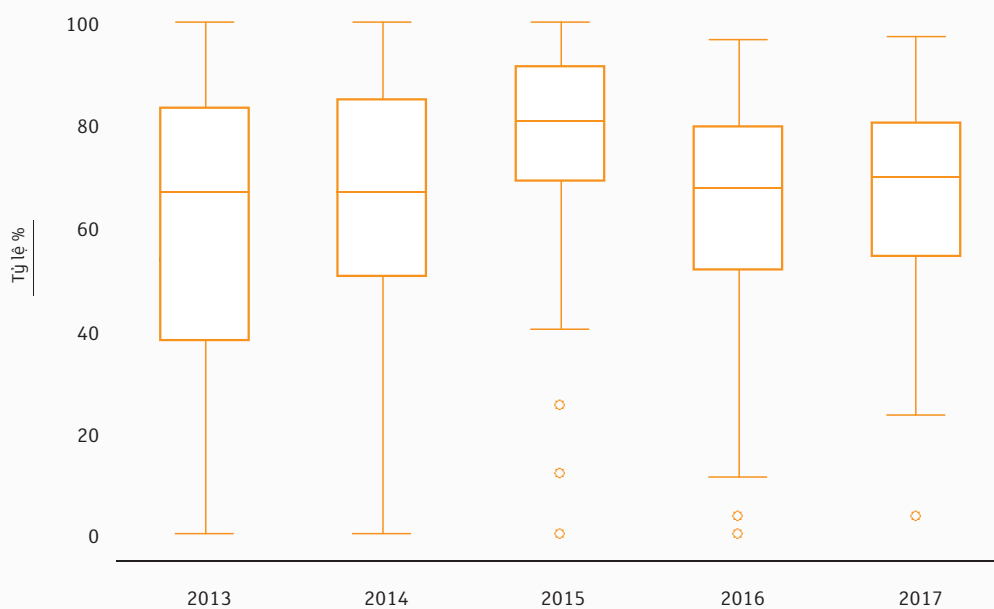


Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI

Sự tham gia của khu vực tư nhân vào thị trường cung ứng dịch vụ

Trong các năm 2013-2017, trung bình có khoảng 60% số tổ chức cung ứng dịch vụ thuộc khu vực kinh tế tư nhân. Dù vậy, cũng có sự cách biệt khá lớn giữa các tỉnh/thành phố, khi nơi cao nhất có tới 97% số tổ chức cung ứng dịch vụ thuộc khu vực tư nhân, song nơi thấp nhất chỉ ở mức 3,4%.

Hình 4: Tỷ lệ doanh nghiệp tư nhân trong tổng số nhà cung cấp dịch vụ hỗ trợ kinh doanh

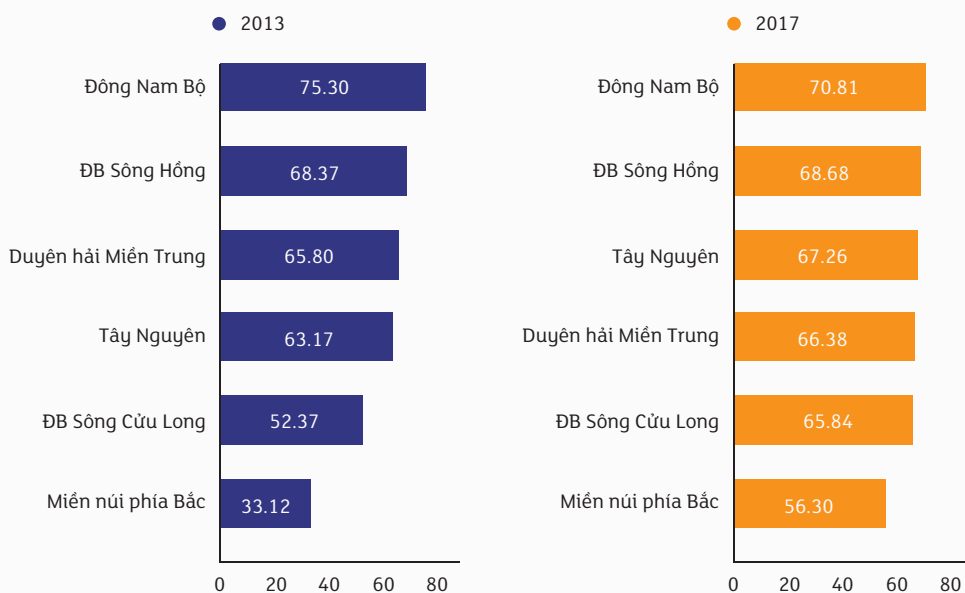


Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI

Mật độ doanh nghiệp cung ứng dịch vụ tư nhân có sự khác biệt đáng kể theo vùng. Cụ thể, vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng Sông Hồng là hai nơi có tỷ lệ doanh nghiệp cung ứng dịch vụ thuộc khu vực tư nhân nhiều hơn cả vào năm 2017. Vùng MNPB là nơi có mật độ doanh nghiệp cung ứng dịch vụ tư nhân thấp nhất.

Sự biến động của tỷ lệ doanh nghiệp cung ứng dịch vụ thuộc khu vực tư nhân trong thời gian 5 năm từ 2013 đến 2017 cũng cho thấy một số đặc điểm đáng lưu ý. Năm 2013, tỷ lệ này trung bình cả nước chỉ là 57%, đến năm 2017 là 65%. Điều này cho thấy có sự tham gia nhiều hơn của các doanh nghiệp tư nhân vào thị trường. Tuy nhiên, giữa các vùng lại có những thay đổi trái chiều nhau. Cụ thể, một số nơi như vùng MNPB hoặc ĐBSCL là nơi có sự gia tăng đáng kể của tỷ lệ doanh nghiệp cung ứng dịch vụ tư nhân trong tổng số đơn vị cung cấp dịch vụ, song có vùng lại sụt giảm, ví dụ như vùng Đông Nam Bộ. Mặc dù vậy, tỷ lệ này giảm đi không có nghĩa là số lượng doanh nghiệp cung ứng dịch vụ tư nhân giảm đi, do số lượng doanh nghiệp thành lập và hoạt động ở vùng Đông Nam Bộ vẫn lớn nhất cả nước qua nhiều năm.

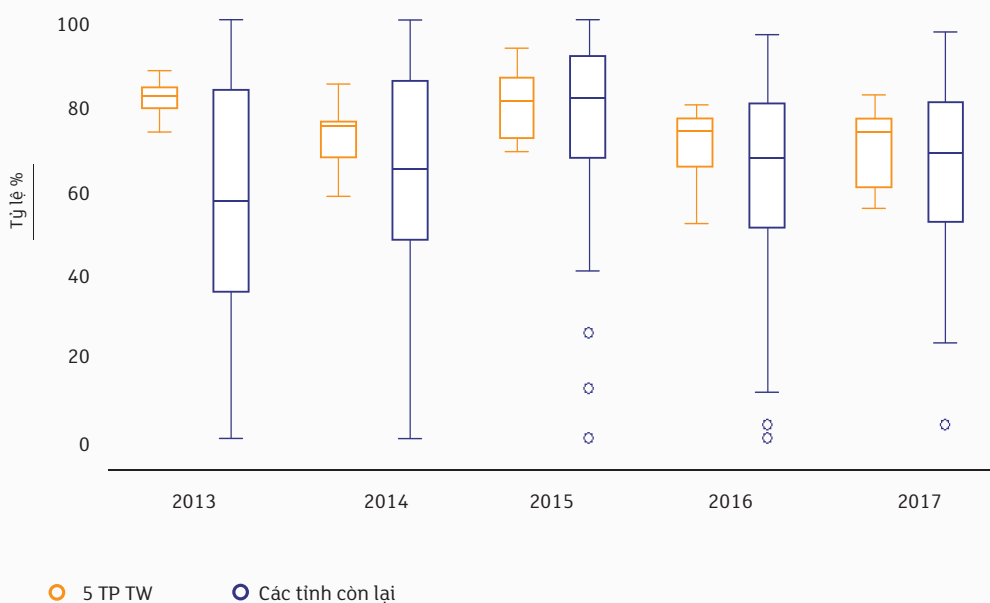
Hình 5: Tỷ lệ doanh nghiệp tư nhân trên tổng số DN cung cấp dịch vụ (%) so sánh các vùng



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI

Tương tự như tỷ lệ số doanh nghiệp cung ứng dịch vụ trong tổng số doanh nghiệp, thì tỷ lệ doanh nghiệp cung ứng dịch vụ tư nhân trong tổng số đơn vị cung ứng tại 5 thành phố trực thuộc trung ương cũng cao hơn so với các tỉnh còn lại. Điều này có thể thấy rõ từ năm 2013 tới nay.

Hình 6: Tỷ lệ doanh nghiệp cung cấp dịch vụ tư nhân trên tổng số doanh nghiệp cung cấp dịch vụ so sánh giữa 5 thành phố trực thuộc trung ương và các tỉnh còn lại

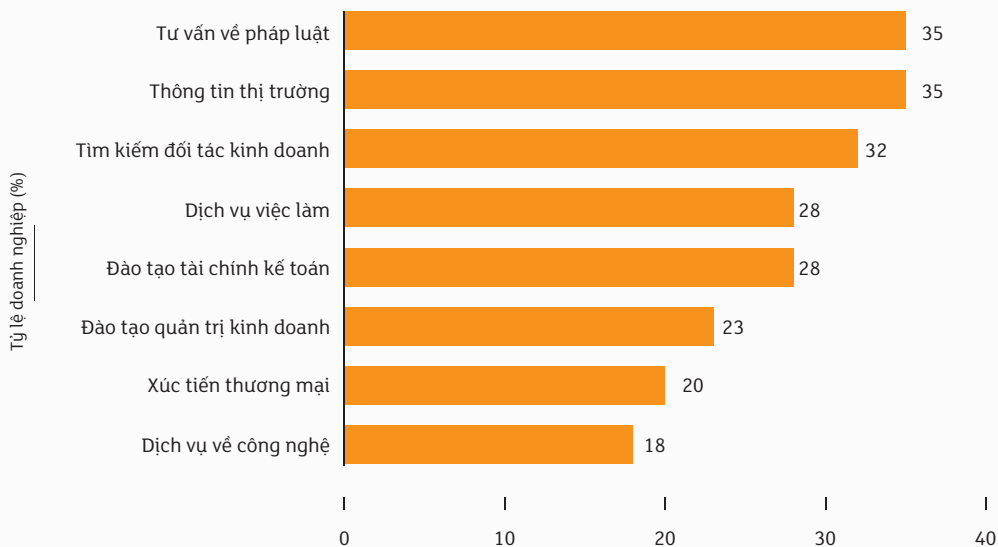


Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI

Nhu cầu sử dụng DVHTKD của doanh nghiệp

Nhu cầu sử dụng các DVHTKD của các doanh nghiệp là tương đối đa dạng tùy theo một số dịch vụ. Cụ thể, 3 loại dịch vụ mà các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng cao hơn cả, là tư vấn về pháp luật, hỗ trợ tìm kiếm thông tin thị trường và tìm kiếm đối tác kinh doanh. Đáng lưu ý, tỷ lệ doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng dịch vụ hỗ trợ về công nghệ và đào tạo liên quan tới công nghệ thấp nhất.

Hình 7: Doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh nào?



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Nhu cầu sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của các doanh nghiệp có sự khác biệt tương đối rõ rệt giữa các vùng theo kết quả điều tra doanh nghiệp của VCCI năm 2017. Nếu tính chung cho 8 loại dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cơ bản, thì các doanh nghiệp ở khu vực Tây Nguyên có nhu cầu sử dụng lớn nhất, kế đến là các doanh nghiệp ở khu vực Duyên hải miền Trung. Trong khi đó, nhu cầu sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh thấp nhất là tại vùng Đông Nam Bộ và vùng Đồng bằng sông Cửu Long.

Nhu cầu sử dụng mỗi loại dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cũng khá đa dạng. Cụ thể, tại khu vực Tây Nguyên, miền núi phía Bắc, Duyên hải miền Trung, hoặc Đồng bằng sông Cửu Long, tỷ lệ doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng dịch vụ về thông tin thị trường cao nhất. Tại vùng Đồng bằng Sông Hồng hoặc tại vùng Đông Nam Bộ, nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật là lớn hơn cả.

Bảng 1: Nhu cầu sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh theo vùng năm 2017 (Đơn vị tính: %)

Các vùng kinh tế	Thông tin thị trường	Tư vấn về pháp luật	Dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm	Hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh	Xúc tiến thương mại và triển lãm thương mại	Dịch vụ liên quan đến công nghệ	Đào tạo về kế toán và tài chính	Đào tạo về quản trị kinh doanh	Tổng nhu cầu chung
Tây Nguyên	40.26	39.77	32.67	33.99	20.63	19.31	30.36	25.08	242.08
Duyên hải Miền Trung	36.88	34.73	27.31	33.59	22.37	19.33	28.71	24.71	227.63
ĐB Sông Hồng	34.94	37.49	30.17	33.15	18.94	17.20	28.65	23.60	224.15
Miền núi phía Bắc	35.36	35.36	22.59	31.04	18.53	17.62	29.21	24.43	214.15
ĐB Sông Cửu Long	34.67	33.79	28.48	30.15	20.47	18.14	23.53	20.17	209.40
Đông Nam Bộ	32.24	33.54	31.71	29.89	20.61	15.74	25.32	19.16	208.21

Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Kết quả điều tra doanh nghiệp năm 2017 cho thấy khi quy mô doanh nghiệp gia tăng, nhu cầu sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cũng có xu hướng cao hơn. Đặc điểm này là tương đối thống nhất với cả quy mô vốn và quy mô lao động của doanh nghiệp. Điều tương đối thú vị là các doanh nghiệp có quy mô vốn từ 50 tỷ trở lên, hoặc có quy mô lao động từ 300 lao động trở lên có nhu cầu sử dụng dịch vụ tư vấn pháp luật hoặc dịch vụ tuyển dụng lao động cao hơn rất đáng kể so với các nhóm còn lại cũng như so với các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác.

Bảng 2: Nhu cầu sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh theo quy mô vốn năm 2017 (Đơn vị tính: %)

Quy mô vốn	Thông tin thị trường	Tư vấn về pháp luật	Dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm	Hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh	Xúc tiến thương mại và triển lãm thương mại	Dịch vụ liên quan đến công nghệ	Đào tạo về kế toán và tài chính	Đào tạo về quản trị kinh doanh	Tổng nhu cầu chung
Dưới 1 tỷ	34.93	34.32	25.53	32.57	19.89	18.44	25.53	23.41	214.61
1-5 tỷ	35.30	35.37	26.82	32.38	18.61	16.66	27.48	22.29	214.90
5-10 tỷ	34.46	34.63	26.86	29.98	19.26	16.39	29.14	22.97	213.68
10-50 tỷ	40.46	41.65	37.18	34.79	24.45	21.77	33.10	26.64	260.04
50-200 tỷ	41.88	45.78	43.18	37.01	30.84	25.32	28.25	27.27	279.55
Trên 200 tỷ	46.08	56.86	53.92	37.25	43.14	30.39	40.20	32.35	340.20

Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Bảng 3: Nhu cầu sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh theo quy mô lao động năm 2017 (Đơn vị tính: %)

Quy mô lao động	Thông tin thị trường	Tư vấn về pháp luật	Dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm	Hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh	Xúc tiến thương mại và triển lãm thương mại	Dịch vụ liên quan đến công nghệ	Đào tạo về kế toán và tài chính	Đào tạo về quản trị kinh doanh	Tổng nhu cầu chung
Dưới 10 ld	34.95	33.94	23.14	31.33	18.59	16.33	25.37	21.28	204.92
10-49 ld	36.29	36.75	30.87	32.49	19.59	18.29	30.20	24.24	228.72
50-199 ld	37.06	40.10	39.73	34.14	26.73	22.84	30.13	25.39	256.14
200-299 ld	38.41	47.83	45.65	40.58	30.43	23.19	37.68	35.51	299.28
300-499 ld	33.77	53.25	50.65	33.77	33.77	27.27	32.47	29.87	294.81
500 ld trở lên	42.53	47.13	52.87	35.63	44.83	26.44	29.89	27.59	306.90

Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản có nhu cầu sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cao nhất. Kế đến là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực công nghiệp. Những doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai khoáng hoặc xây dựng có nhu cầu sử dụng dịch vụ thấp hơn cả.

Bảng 4: Nhu cầu sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh theo lĩnh vực sản xuất kinh doanh năm 2017 (Đơn vị tính: %)

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh	Thông tin thị trường	Tư vấn về pháp luật	Dịch vụ tuyển dụng và giới thiệu việc làm	Hỗ trợ tìm kiếm đối tác kinh doanh	Xúc tiến thương mại và triển lãm thương mại	Dịch vụ liên quan đến công nghệ	Đào tạo về kế toán và tài chính	Đào tạo về quản trị kinh doanh	Tổng nhu cầu chung
Công nghiệp	33.85	39.40	35.14	35.28	24.61	21.76	28.31	24.18	242.53
Xây dựng	35.04	36.87	26.61	32.18	16.75	17.93	29.21	22.32	216.91
Thương mại /dịch vụ	35.82	34.81	28.44	31.52	20.14	17.06	27.08	23.18	218.05
NN/LN/TS	43.32	38.46	30.57	38.26	32.39	21.46	30.36	25.30	260.12
Khai khoáng	31.58	34.21	22.37	27.63	21.05	22.37	27.63	18.42	205.26

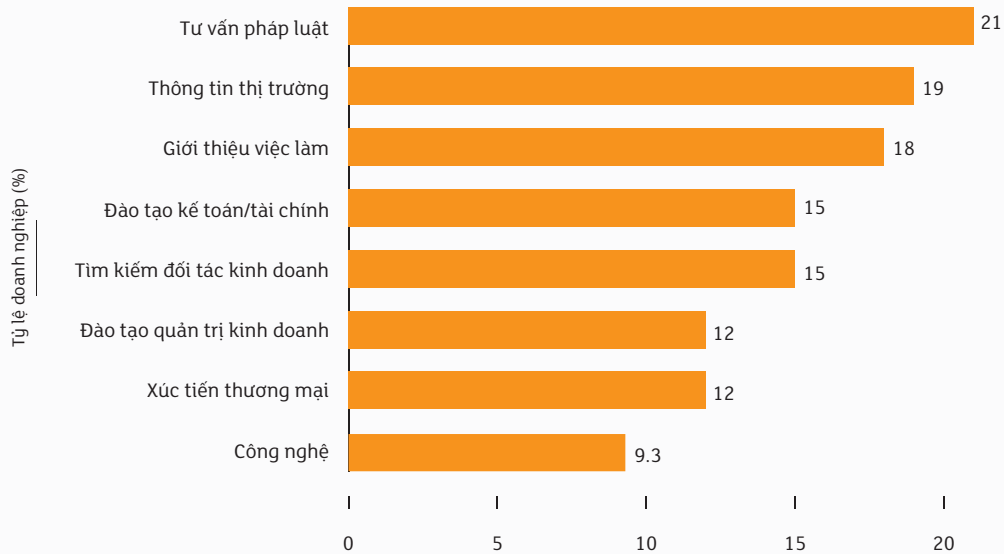
Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh

Sử dụng các DVHTKD nói chung

Nếu tính trên tổng số doanh nghiệp tham gia trả lời khảo sát PCI 2017, thì tỷ lệ doanh nghiệp trên thực tế có sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh chỉ xung quanh mức 10-20%. Trong đó, tư vấn pháp luật là dịch vụ có tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng nhiều nhất, kể đến là tìm kiếm thông tin thị trường và giới thiệu việc làm. Các dịch vụ liên quan tới công nghệ có tỷ lệ doanh nghiệp thực tế sử dụng là thấp nhất, chỉ ở mức 9,3% trong tổng số doanh nghiệp trả lời khảo sát.

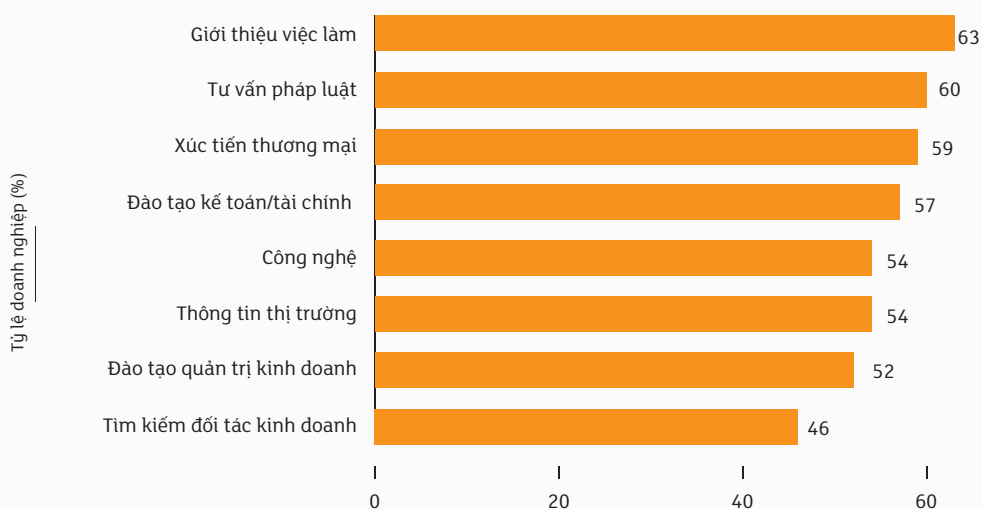
Hình 8: Tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh trong tổng số doanh nghiệp



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Một góc nhìn khác có thể mang lại bức tranh tươi sáng hơn, nếu tính toán tỷ lệ doanh nghiệp thực tế có sử dụng dịch vụ trong số những doanh nghiệp có nhu cầu. Theo đó, tỷ lệ các doanh nghiệp trên thực tế có sử dụng các dịch vụ trên số doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng là xung quanh mức 40-60%. Trong đó, nhóm dịch vụ giới thiệu việc làm, tư vấn pháp luật, xúc tiến thương mại mới có tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng thực tế trong số doanh nghiệp có nhu cầu là nhiều hơn cả.

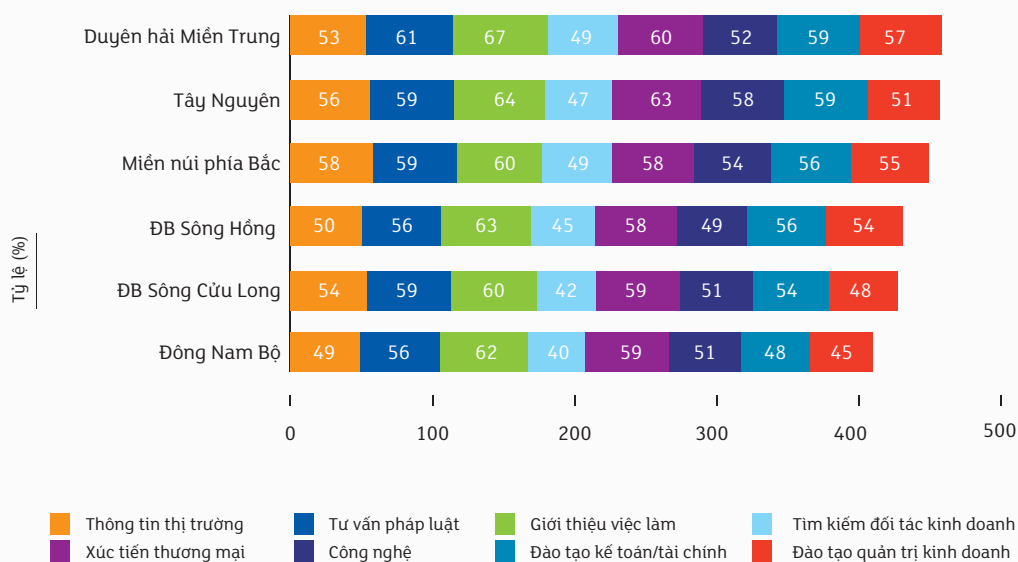
Hình 9: Tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh trong số doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng dịch vụ



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Điều tra PCI 2017 cho thấy nếu chia theo vùng, thì tỷ lệ các doanh nghiệp thực tế có sử dụng các dịch vụ trong số những doanh nghiệp có nhu cầu tại vùng Duyên hải miền Trung là cao nhất. Kế đến là khu vực Tây Nguyên và vùng Trung du miền núi phía Bắc.

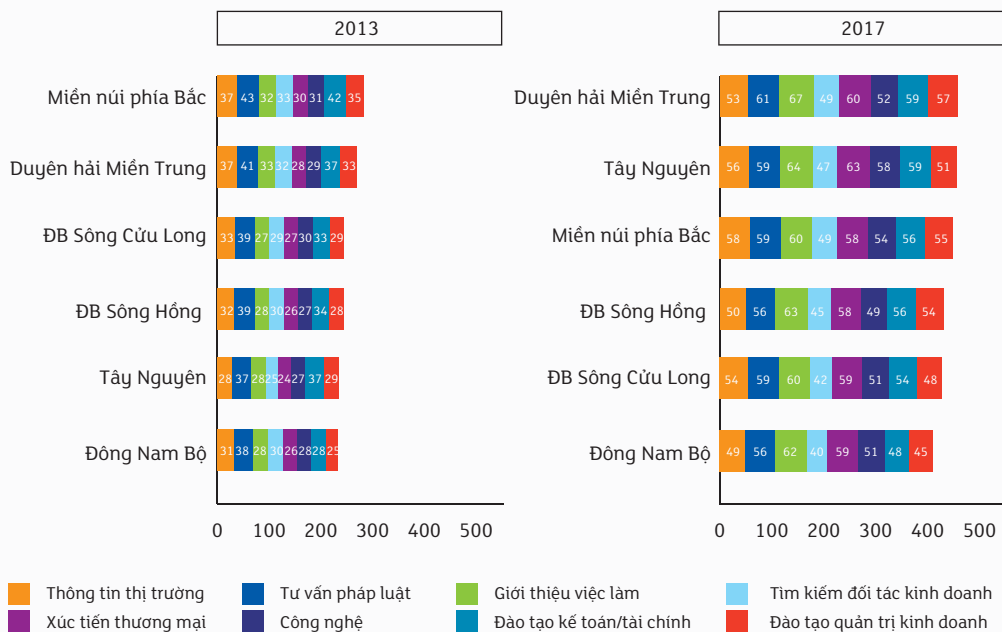
Hình 10: Tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh so sánh các vùng



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

So sánh kết quả điều tra năm 2017 và 2013, thì tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng các DVHTKD trong số doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng dịch vụ đã có sự cải thiện theo thời gian. Đối với tất cả các dịch vụ cơ bản, cũng như tại các vùng, thì tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ đều có sự gia tăng.

Hình 11: Tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh theo vùng

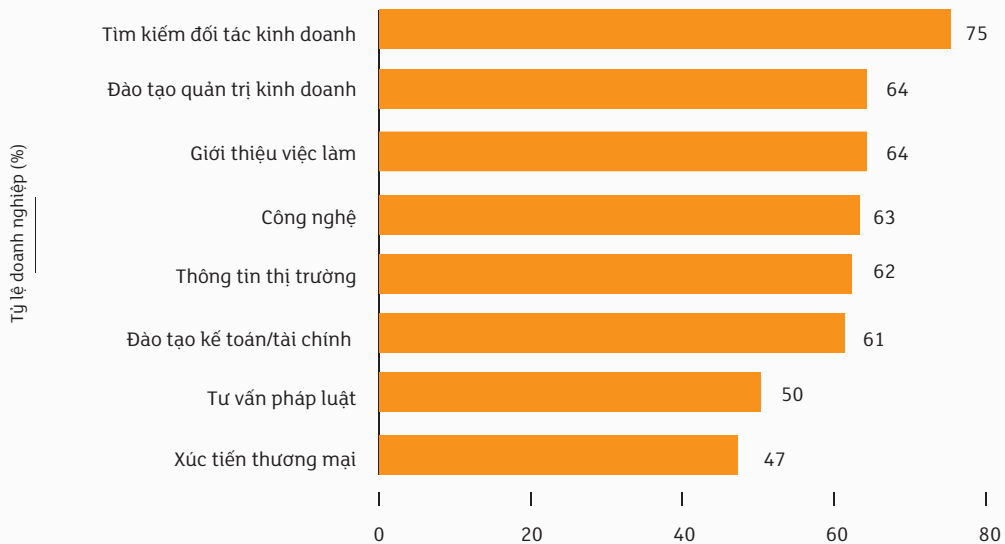


Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI

Sử dụng nhà cung cấp tư nhân

Trong số những doanh nghiệp có sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, khoảng 50-70% doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ của các nhà cung cấp tư nhân. Trong đó, cao nhất là với dịch vụ tìm kiếm đối tác kinh doanh (75%), kế đến là đào tạo quản trị kinh doanh và giới thiệu việc làm (64%). Trong khi đó, tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại và tư vấn pháp luật của nhà cung cấp tư nhân ít hơn cả, lần lượt ở mức 47% và 50%.

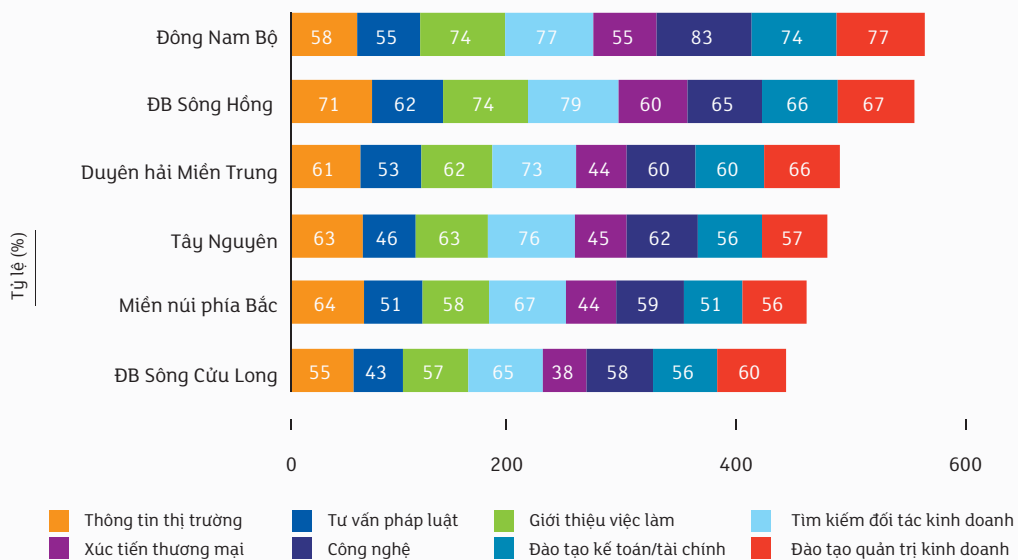
Hình 12: Tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của nhà cung cấp tư nhân



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Sự khác biệt trong việc sử dụng nhà cung cấp tư nhân là tương đối rõ giữa các vùng. Vùng Đông Nam bộ và vùng Đồng bằng Sông Hồng có tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp tư nhân là nhiều hơn cả. Nơi có tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp tư nhân thấp nhất là ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và Khu vực Trung du và miền núi Phía Bắc.

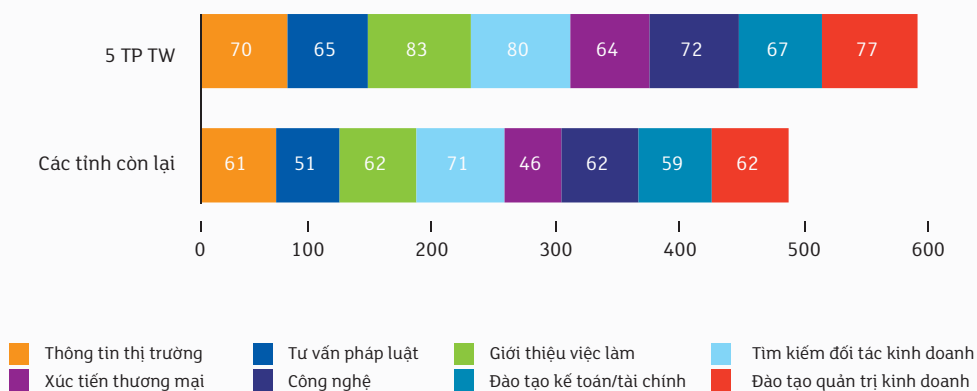
Hình 13: Tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của nhà cung cấp tư nhân - so sánh các vùng



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp tư nhân tại nhóm 5 thành phố trực thuộc trung ương cũng cao hơn đáng kể so với ở các tỉnh còn lại. Trong đó, tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dịch vụ của các nhà cung cấp tư nhân tại 5 thành phố trực thuộc trung ương đều cao hơn so với 58 tỉnh còn lại ở tất cả các dịch vụ được khảo sát.

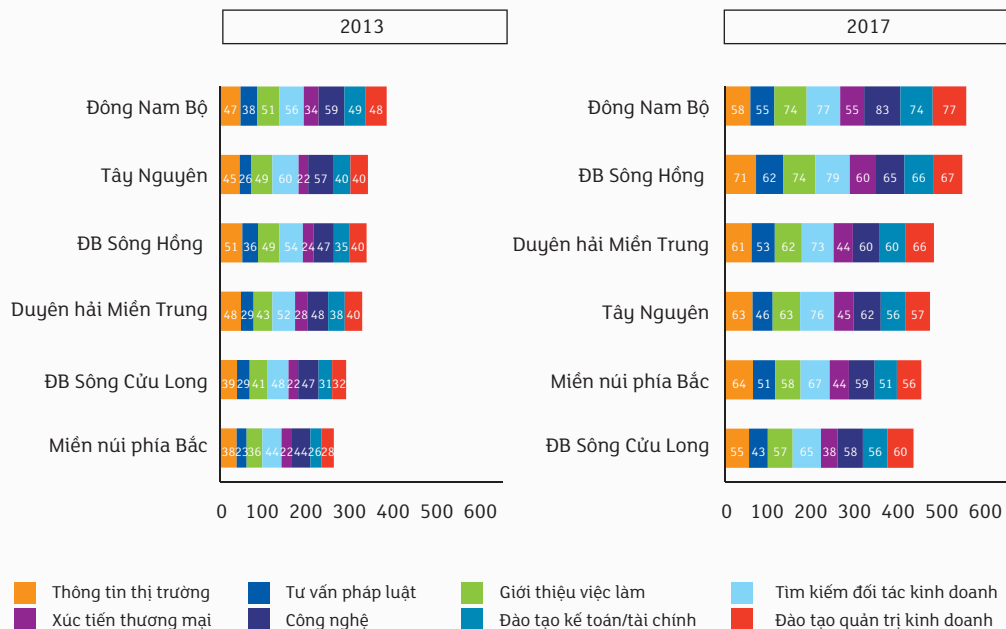
Hình 14: Tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của nhà cung cấp tư nhân năm 2017



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI

So sánh theo thời gian, có thể thấy tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ của các nhà cung cấp tư nhân đã gia tăng. Cụ thể, dù với dịch vụ nào hoặc tại bất kể vùng nào trên cả nước, tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp tư nhân tại thời điểm năm 2017 đều cao hơn đáng kể so với năm 2013.

Hình 15: Tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của nhà cung cấp tư nhân - so sánh các vùng

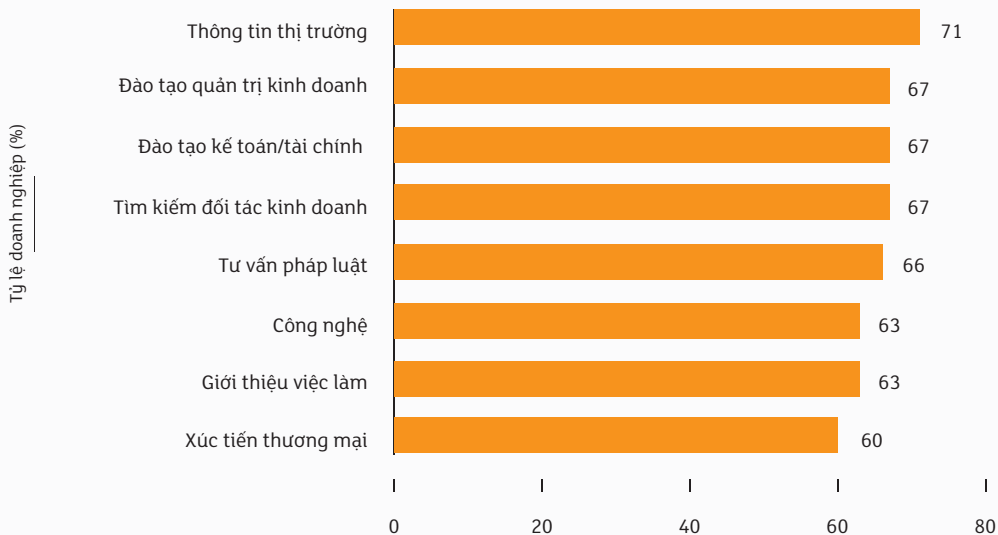


Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI

Mong muốn tiếp tục sử dụng dịch vụ

Nhu cầu tiếp tục sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của các doanh nghiệp là tương đối khả quan. Tính trong số những doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ, Điều tra PCI 2017 cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp cho biết sẽ tiếp tục sử dụng xung quanh mức 60-70%. Trong đó, cao nhất là với dịch vụ tìm kiếm thông tin thị trường (71%), đào tạo quản trị kinh doanh, kế toán tài chính hoặc tìm kiếm đối tác kinh doanh (đều ở mức 67%). Tỷ lệ doanh nghiệp cho biết sẽ tiếp tục sử dụng dịch vụ xúc tiến thương mại là thấp nhất, song cũng lên tới 60% trong số những doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ này.

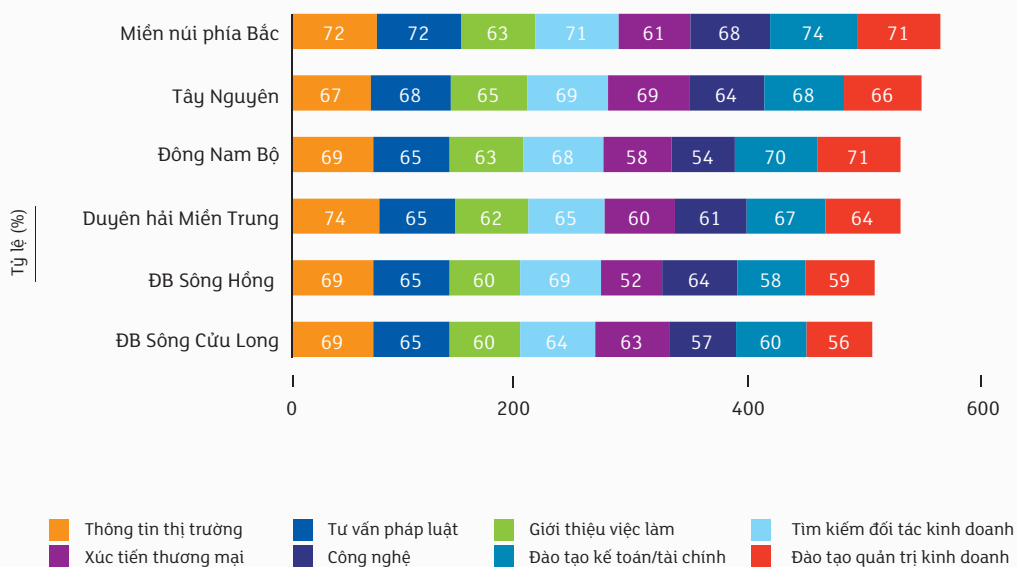
Hình 16: Tỷ lệ doanh nghiệp tiếp tục sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh trong số doanh nghiệp đã sử dụng dịch vụ



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Nhu cầu tiếp tục sử dụng dịch vụ cao nhất là tại khu vực Trung du và miền núi Phía Bắc và Tây Nguyên. Thấp hơn cả là ở vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và vùng Đồng bằng Sông Hồng, song với từng dịch vụ thì tỷ lệ doanh nghiệp sẽ sử dụng lại là đều trên 50%.

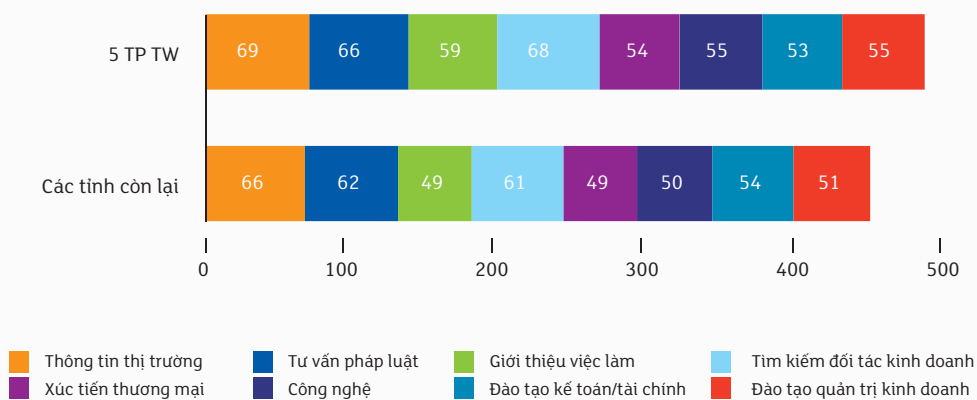
Hình 17: Tỷ lệ doanh nghiệp tiếp tục sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh so sánh các vùng



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Nhu cầu tiếp tục sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh của các doanh nghiệp tại nhóm 5 thành phố trực thuộc trung ương cao hơn so với nhóm 58 tỉnh còn lại. Tỷ lệ doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục sử dụng tại nhóm 5 thành phố trực thuộc trung ương đều cao hơn so với nhóm các tỉnh còn lại ở tất cả các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh trong điều tra PCI 2017.

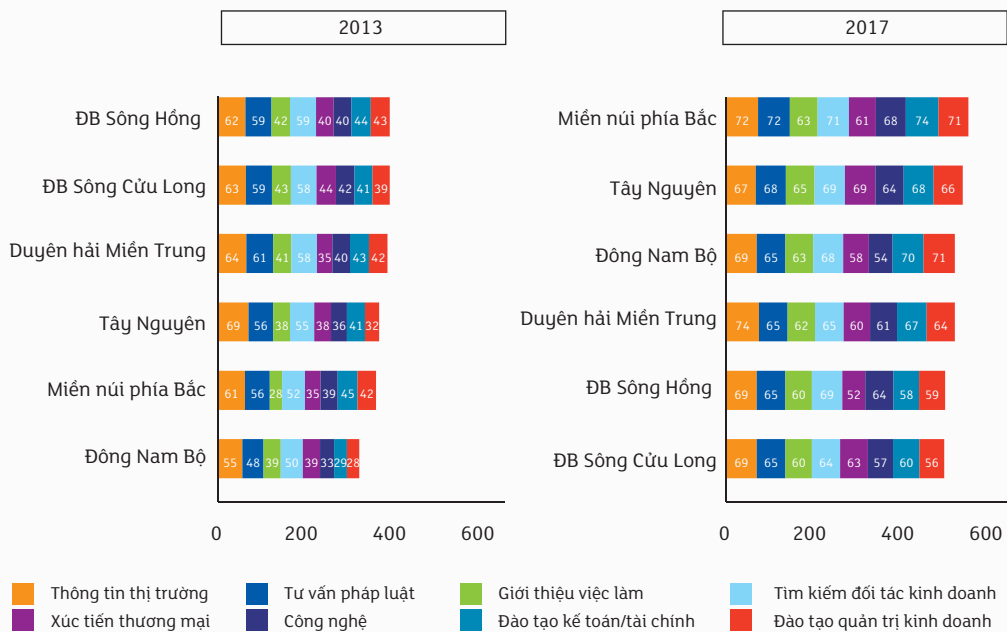
Hình 18: Tỷ lệ doanh nghiệp tiếp tục sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh năm 2017



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI

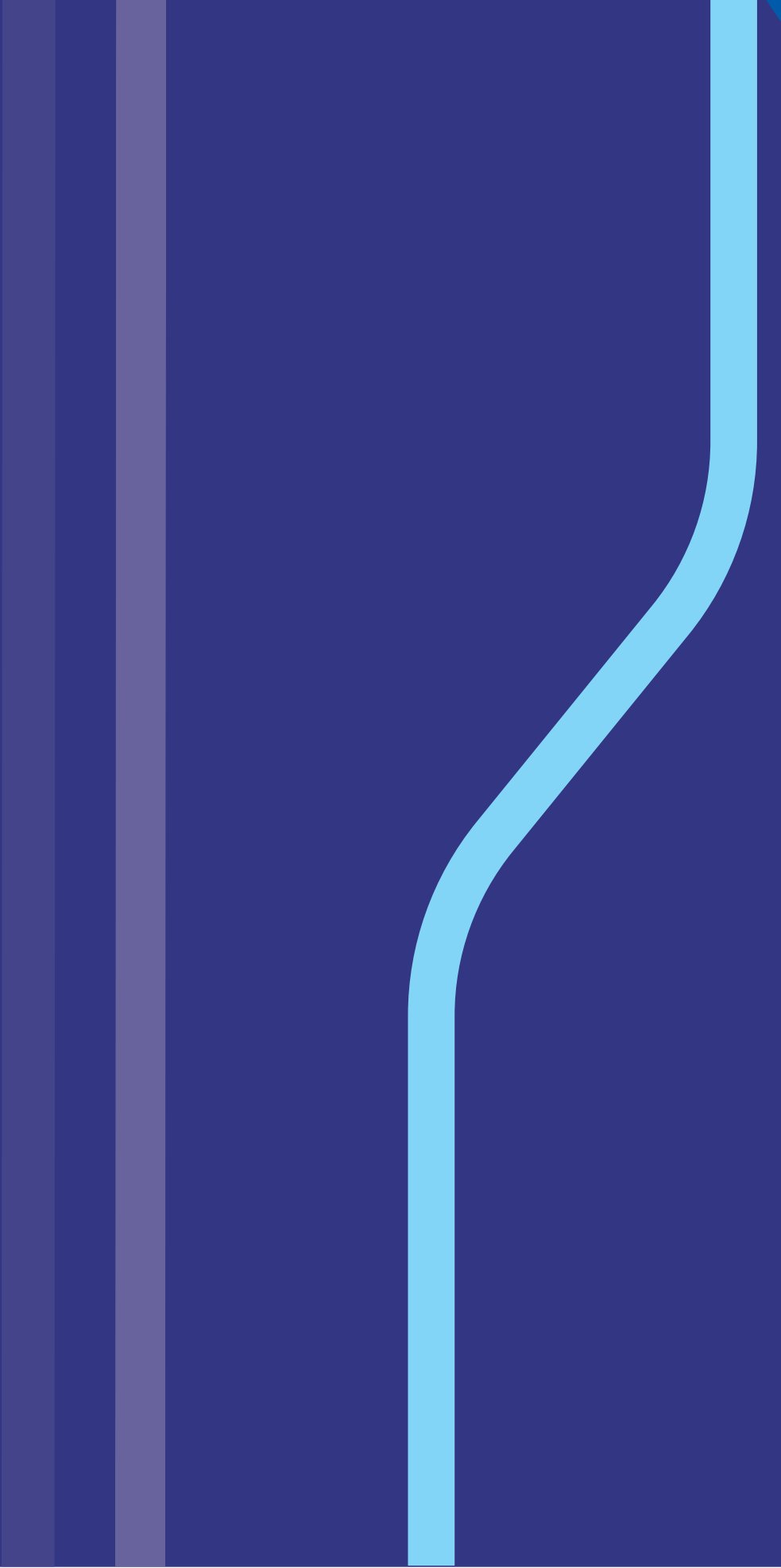
Tỷ lệ doanh nghiệp có nhu cầu tiếp tục sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh cũng có xu hướng gia tăng theo thời gian. Cụ thể, tỷ lệ doanh nghiệp sẽ tiếp tục sử dụng dịch vụ của năm 2017 đều cao hơn đáng kể so với năm 2013, ở tất cả các vùng cũng như đối với từng dịch vụ được khảo sát.

Hình 19: Tỷ lệ doanh nghiệp tiếp tục sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh so sánh các vùng



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI

03





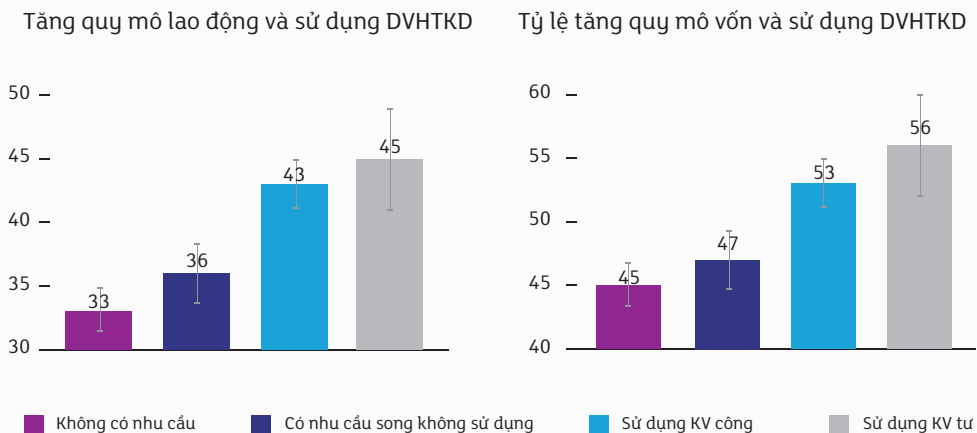
HIỆU QUẢ CỦA VIỆC SỬ DỤNG DỊCH VỤ HỖ TRỢ KINH DOANH ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

- 36 Đối với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh
- 39 Đối với hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh
- 40 Đối với việc cung ứng cho các doanh nghiệp FDI hoặc xuất khẩu
- 46 Đối với triển vọng hoạt động của doanh nghiệp

Đối với quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh

Điều tra PCI 2017 cho thấy tỷ lệ doanh nghiệp gia tăng quy mô hoạt động, cả về lao động và vốn so với năm thành lập, là cao hơn ở các nhóm có sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh so với nhóm không có nhu cầu hoặc có nhu cầu nhưng không sử dụng. Cụ thể, nếu như chỉ 33% doanh nghiệp tăng quy mô lao động ở nhóm không có nhu cầu sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh và 36% ở nhóm có nhu cầu song không sử dụng, thì với những doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ của khu vực công hoặc của khu vực tư, thì tỷ lệ gia tăng quy mô lao động lần lượt là 43% và 45%. Xu hướng tương tự cũng có thể quan sát thấy ở tỷ lệ doanh nghiệp tăng quy mô vốn so với năm thành lập. Đáng lưu ý, những doanh nghiệp sử dụng DVHTKD của nhà cung cấp tư nhân thường là nhóm có tỷ lệ tăng quy mô lao động và vốn nhiều hơn cả.

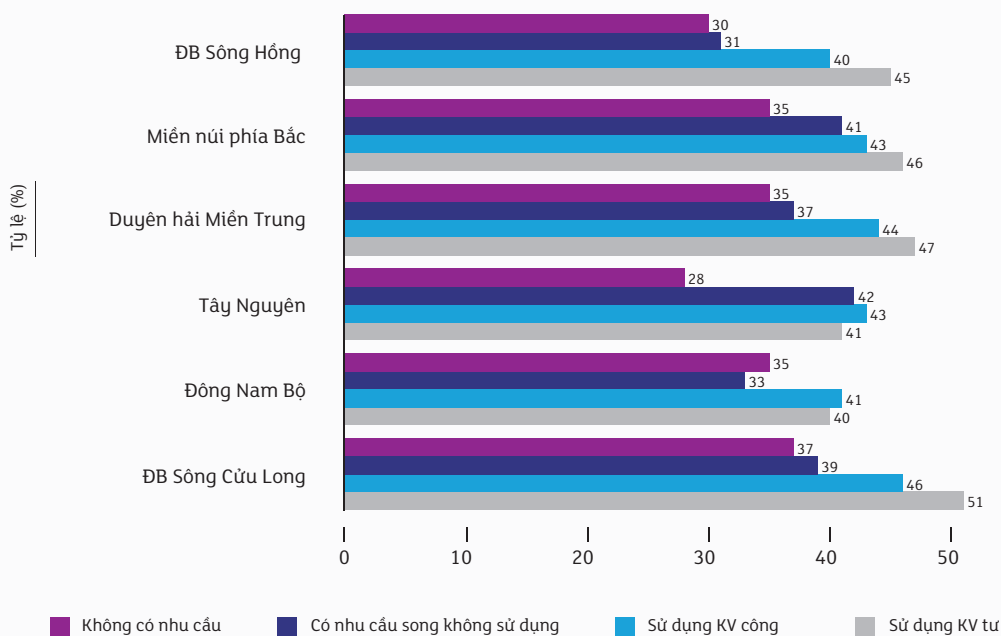
Hình 20: Sử dụng DVHTKD và gia tăng quy mô của doanh nghiệp



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Đặc điểm này cũng thể hiện tương đối rõ ở các vùng trên cả nước. Cụ thể, những doanh nghiệp có sử dụng DVHTKD ở tất cả các vùng đều có tỷ lệ gia tăng quy mô lao động cao hơn so với nhóm không sử dụng. Trong đó, cách biệt rõ nhất là ở vùng ĐBSH, ĐBSCL, Đông Nam Bộ và Duyên hải miền Trung.

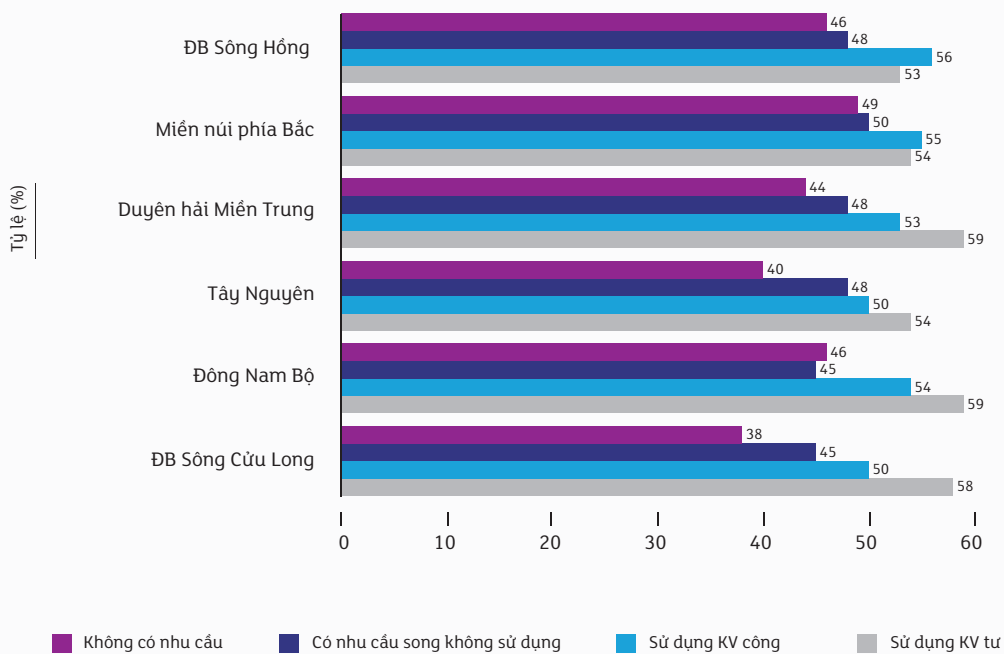
Hình 21: Tăng quy mô lao động và sử dụng DVHTKD so sánh các vùng



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Tương tự, tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng DVHTKD tăng quy mô vốn hoạt động cũng cao hơn so với nhóm không sử dụng, khi so sánh vùng. Sự khác biệt rõ ràng nhất là ở vùng ĐBSCL, Duyên hải miền Trung và Đông Nam bộ.

Hình 22: Sử dụng DVHTKD và việc tăng quy mô vốn hoạt động so sánh các vùng

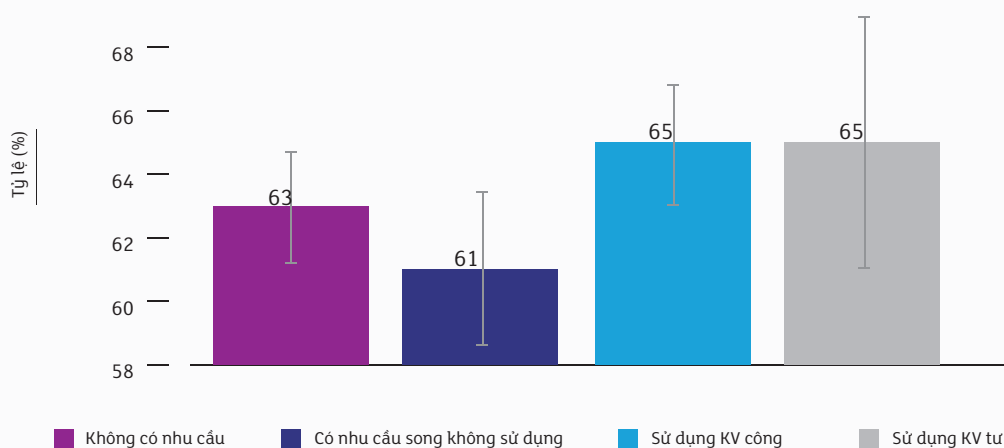


Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Đối với hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Những doanh nghiệp có sử dụng DVHTKD cũng có hiệu quả sản xuất kinh doanh cao hơn so với nhóm không sử dụng. Cụ thể, với các doanh nghiệp có sử dụng DVHTKD, dù sử dụng nhà cung cấp là các cơ quan nhà nước hay của khu vực tư nhân, thì đều có tỷ lệ cho biết làm ăn có lãi cao hơn nhóm doanh nghiệp không có nhu cầu hoặc có nhu cầu nhưng không sử dụng.

Hình 23: Tỷ lệ doanh nghiệp làm ăn có lãi so sánh theo có sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh



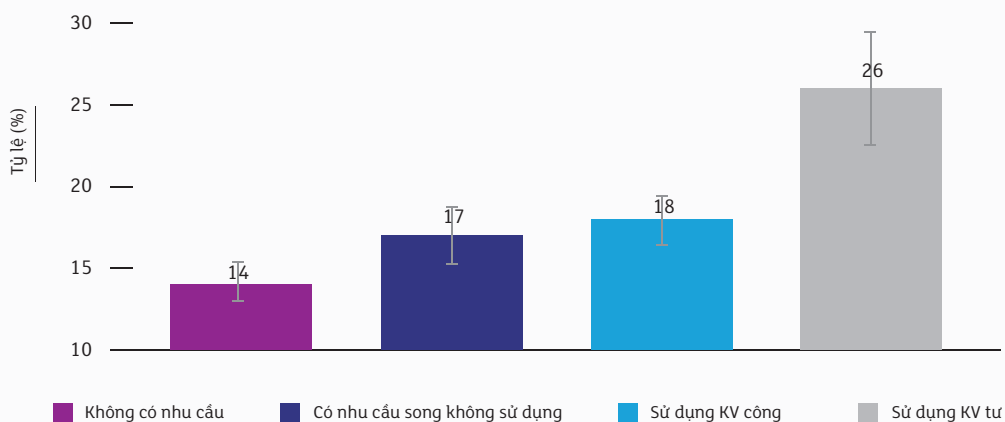
Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Đối với việc cung ứng cho các doanh nghiệp FDI hoặc xuất khẩu

Điều tra doanh nghiệp cho thấy một đặc điểm rất đáng lưu ý, đó là tỷ lệ doanh nghiệp có sử dụng DVHTKD - nhất là của các nhà cung cấp tư nhân – có tham gia cung ứng cho các doanh nghiệp FDI hoặc tham gia xuất khẩu là cao hơn nhóm không có nhu cầu hoặc có nhu cầu nhưng không sử dụng.

Trước hết, những doanh nghiệp có sử dụng các DVHTKD, đặc biệt là của các nhà cung cấp tư nhân, có tỷ lệ doanh nghiệp tham gia cung ứng cho các doanh nghiệp FDI cao hơn các nhóm còn lại. Cụ thể, trong số những doanh nghiệp không có nhu cầu sử dụng, thì có 14% có khách hàng là doanh nghiệp FDI, với doanh nghiệp có nhu cầu song không sử dụng, con số này là 17%. Còn nếu với những doanh nghiệp có nhu cầu và đã sử dụng dịch vụ, song của khu vực công, thì có 18% có hàng hoá/dịch vụ cung cấp cho doanh nghiệp FDI. Trong khi đó, cách biệt rất đáng kể là 26% những doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ từ nhà cung cấp tư nhân là có khách hàng nước ngoài.

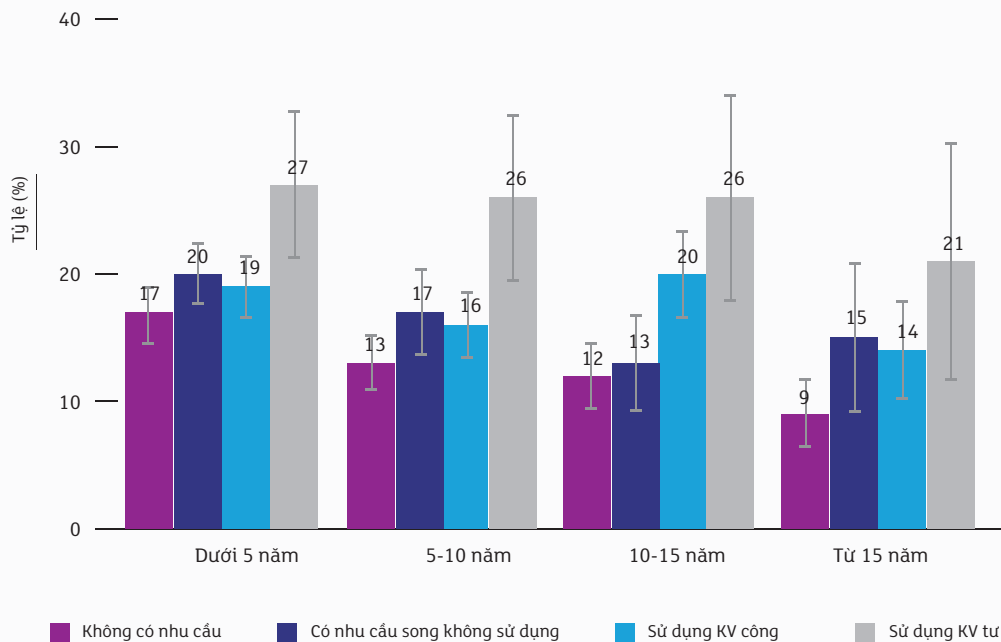
Hình 24: Tỷ lệ DN có khách hàng là DN FDI tại Việt Nam so sánh theo có sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Nếu phân ra theo thời gian hoạt động của doanh nghiệp, thì sự cách biệt giữa nhóm có sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp tư nhân là rõ rệt hơn so với các nhóm còn lại. Dù thời gian hoạt động là khác nhau, nhưng những doanh nghiệp có sử dụng DVHTKD của nhà cung cấp tư nhân đều có tỷ lệ tham gia cung ứng hàng hoá/dịch vụ cho doanh nghiệp FDI cao hơn.

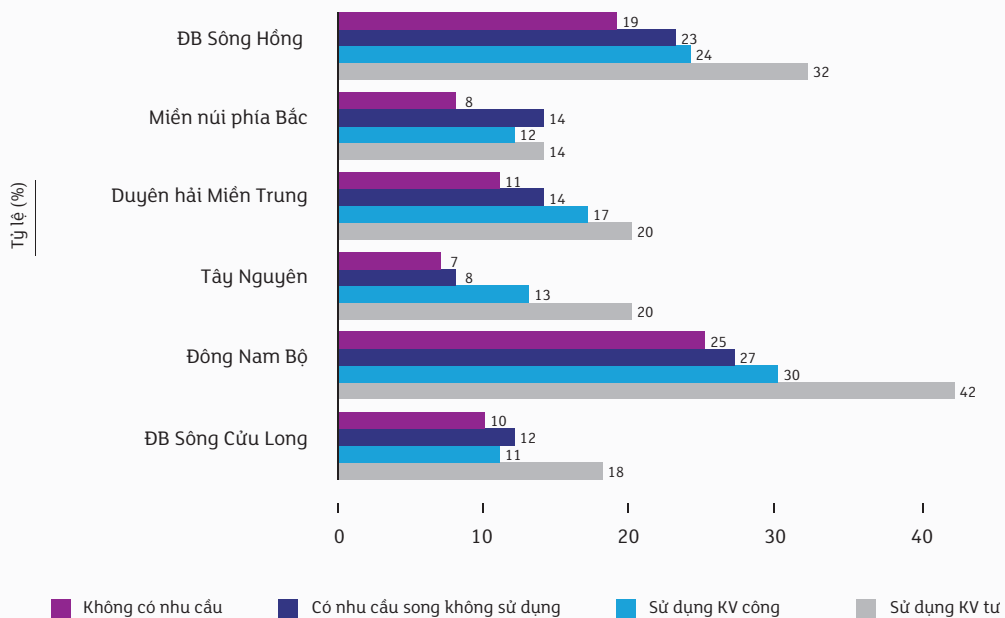
Hình 25: Có khách hàng là DN FDI tại Việt Nam và sử dụng DVHTKD so sánh theo năm thành lập



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Những cách biệt này là tương đối rõ tại các vùng trên cả nước. Ngoại trừ khu vực trung du miền núi phía Bắc, thì các vùng còn lại những doanh nghiệp nào sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp tư nhân đều có tỷ lệ doanh nghiệp có khách hàng là doanh nghiệp FDI cao, thể hiện rõ nhất là tại vùng Đông Nam Bộ và Đồng bằng Sông Hồng.

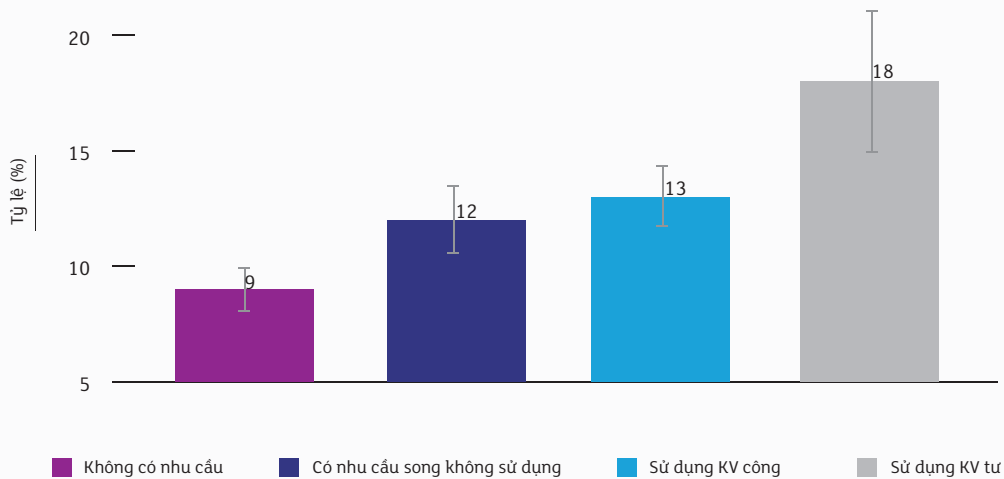
Hình 26: Có khách hàng là DN FDI tại Việt Nam và sử dụng DVHTKD so sánh các vùng



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Một chỉ tiêu khác, mối tương quan tỷ lệ doanh nghiệp tham gia xuất khẩu hàng hoá và việc sử dụng DVHTKD cũng có xu hướng tương tự. Cụ thể, 18% doanh nghiệp có sử dụng DVHTKD do khu vực tư nhân cung cấp có xuất khẩu ra nước ngoài. Với doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ do cơ quan nhà nước cung cấp, con số này là 13%. Trong khi đó, với nhóm không có nhu cầu hoặc có nhu cầu mà không sử dụng, tỷ lệ doanh nghiệp có xuất khẩu ra nước ngoài lần lượt là 9% và 12%.

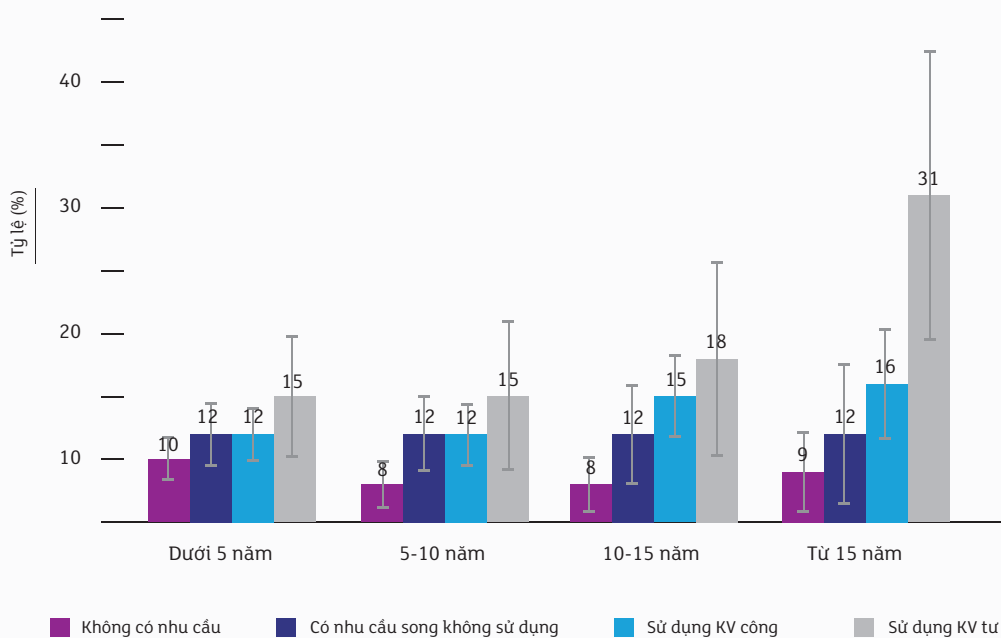
Hình 27: Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia xuất khẩu so sánh theo có sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia xuất khẩu tăng theo số năm hoạt động của doanh nghiệp, đồng thời có sự cách biệt đáng kể giữa nhóm có sử dụng DVHTKD, đặc biệt là với nhóm sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp tư nhân.

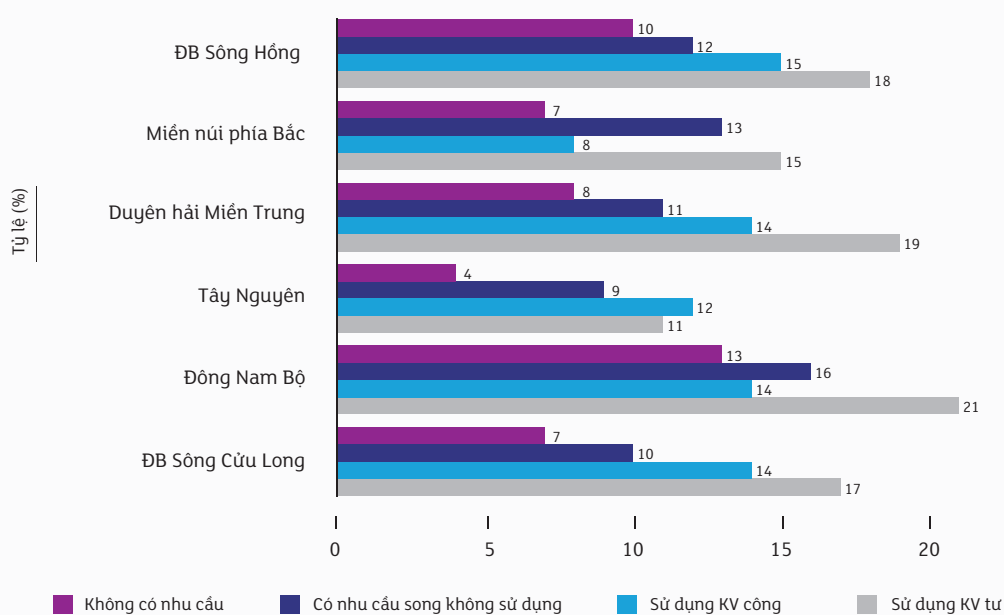
Hình 28: Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia xuất khẩu và sử dụng DVHTKD so sánh theo năm thành lập



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Ở hầu hết các vùng, tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng DVHTKD tham gia xuất khẩu là cao hơn những doanh nghiệp không sử dụng. Trong đó, tỷ lệ doanh nghiệp tham gia xuất khẩu là những doanh nghiệp có sử dụng dịch vụ tư nhân cao hơn đáng kể so với các nhóm còn lại, thể hiện rõ tại Đông Nam bộ, Duyên Hải miền Trung và Đồng bằng Sông Hồng và Đồng bằng Sông Cửu Long.

Hình 29: Tỷ lệ doanh nghiệp tham gia xuất khẩu và sử dụng DVHTKD so sánh các vùng

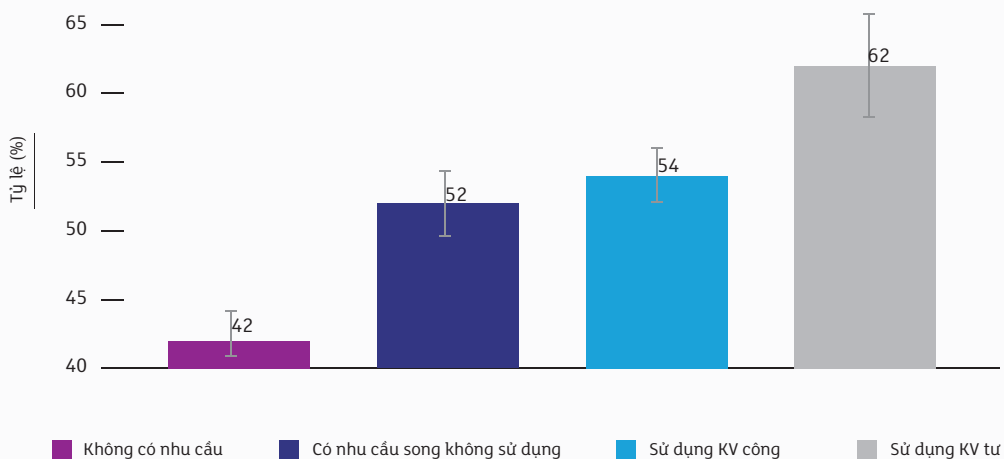


Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Đối với triển vọng hoạt động của doanh nghiệp

Những doanh nghiệp có sử dụng DVHTKD dường như lạc quan hơn về triển vọng kinh doanh so với các doanh nghiệp không sử dụng dịch vụ. Cụ thể, 54% doanh nghiệp sử dụng dịch vụ do khu vực công cung cấp và 62% doanh nghiệp sử dụng dịch vụ của nhà cung cấp tư nhân cho biết sẽ mở rộng sản xuất kinh doanh trong 2 năm tới. Trong khi đó, với những doanh nghiệp không có nhu cầu sử dụng dịch vụ, hoặc có nhu cầu nhưng không sử dụng, tỷ lệ doanh nghiệp sẽ mở rộng sản xuất kinh doanh chỉ lần lượt ở mức 42% và 52%.

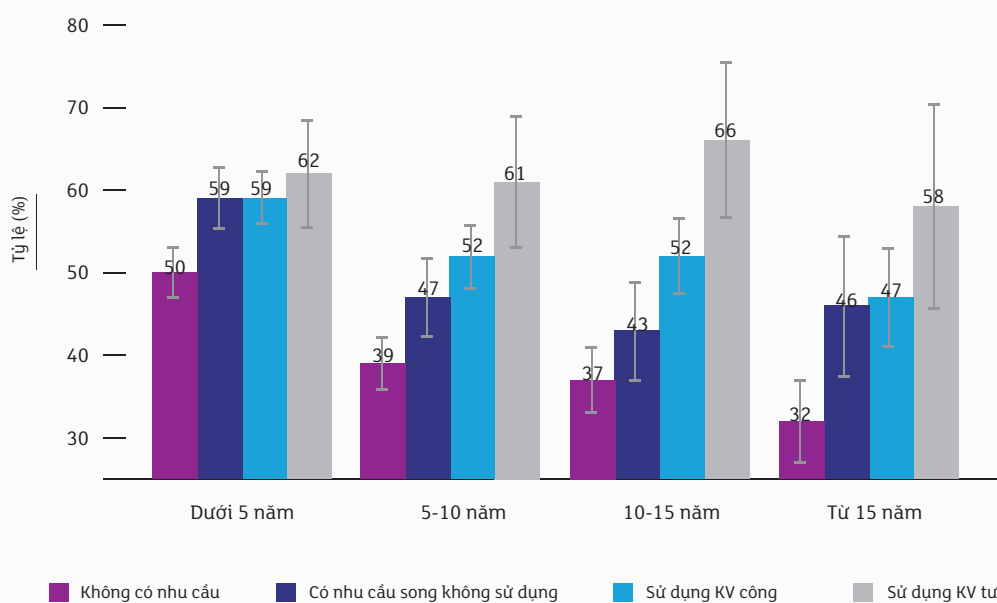
Hình 30: Tỷ lệ sẽ mở rộng quy mô SXKD so sánh theo có sử dụng dịch vụ hỗ trợ kinh doanh



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Với các nhóm doanh nghiệp có thời gian hoạt động khác nhau, thì tỷ lệ doanh nghiệp có kế hoạch mở rộng sản xuất kinh doanh ở nhóm có sử dụng dịch vụ của khu vực công hay của khu vực tư nhân cung cấp có xu hướng cao hơn so với nhóm doanh nghiệp không có nhu cầu sử dụng. Trong đó, cách biệt lớn nhất là ở nhóm doanh nghiệp có từ 5 năm hoạt động trở lên.

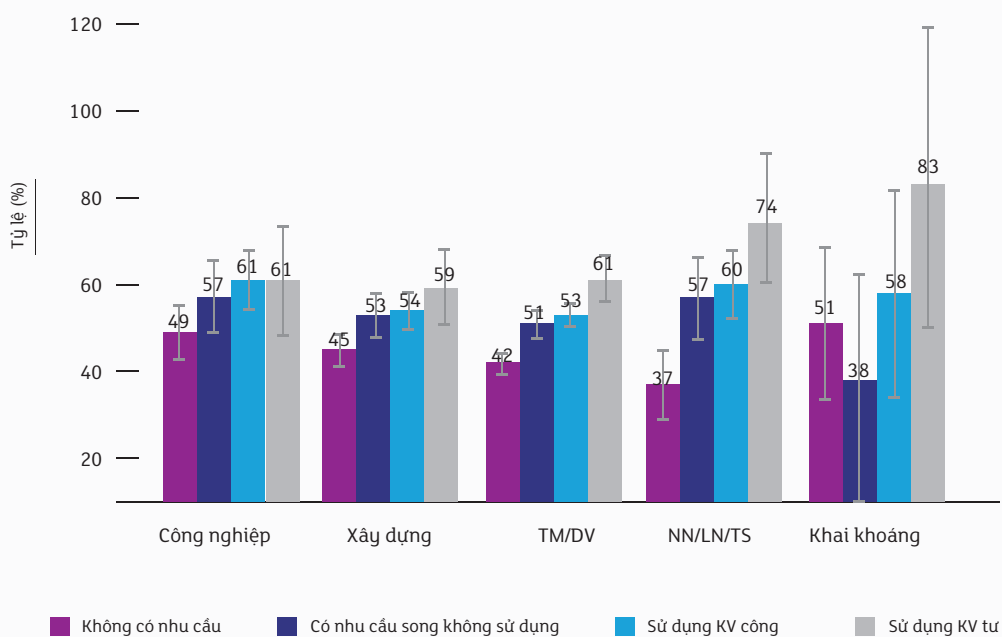
Hình 31: Sẻ mở rộng quy mô SXKD và sử dụng DVHTKD so sánh theo năm thành lập



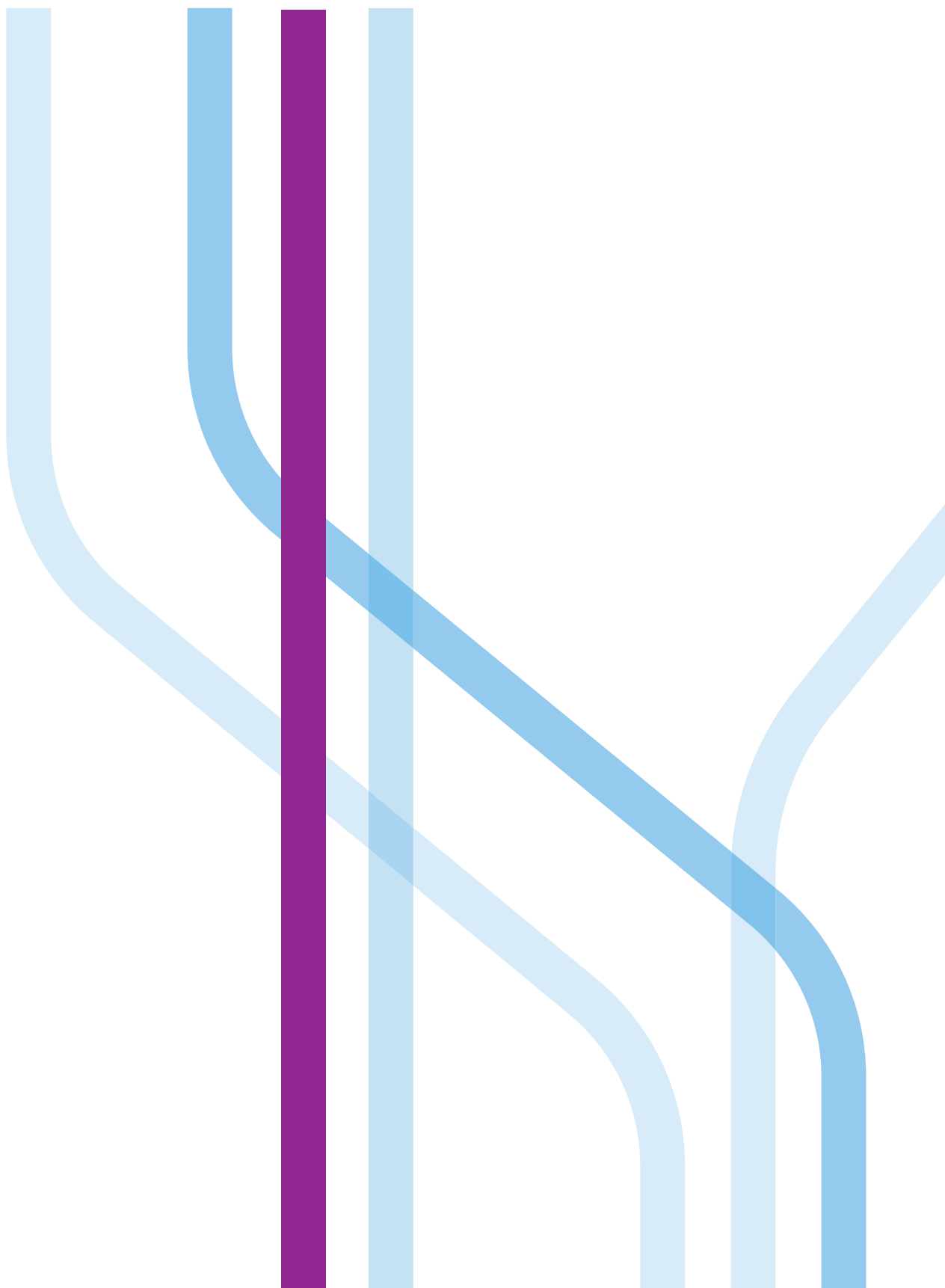
Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017

Dù hoạt động sản xuất kinh doanh ở lĩnh vực nào, thì tỷ lệ doanh nghiệp sẽ mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh trong 2 năm tới trong số các doanh nghiệp có sử dụng DVHTKD là cao hơn so với các nhóm doanh nghiệp không sử dụng.

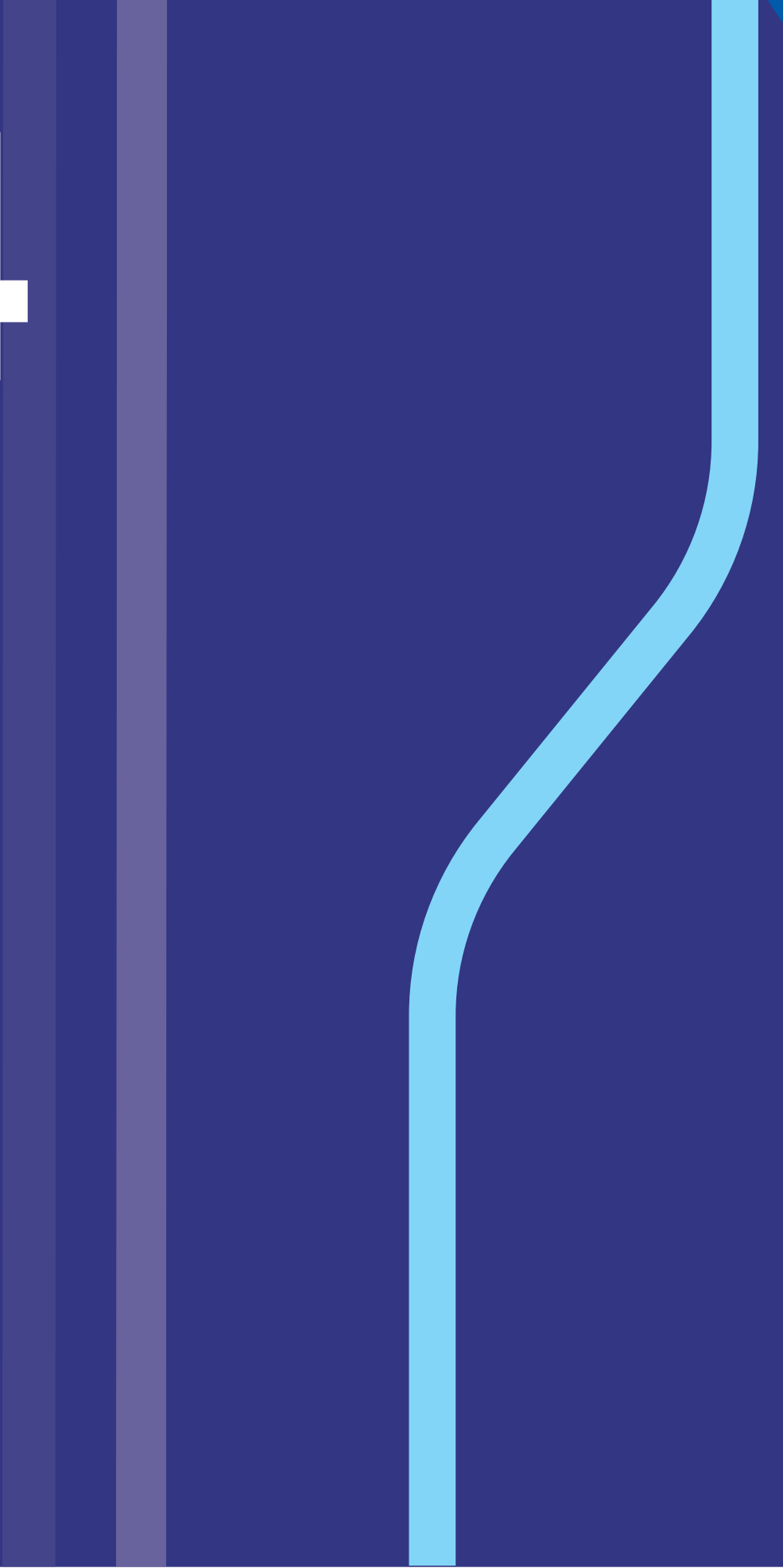
Hình 32: Sẽ mở rộng quy mô SXKD và sử dụng DVHTKD so sánh theo lĩnh vực



Nguồn: VCCI-USAID, điều tra PCI 2017



O4





MỘT SỐ THÁCH THỨC ĐỐI VỚI VIỆC PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG CUNG ỨNG CÁC DVHTKD

- 52 Thiếu hụt thông tin về thị trường cung ứng DVHTKD
- 53 Khó khăn trong gia nhập thị trường của các nhà cung cấp tư nhân
- 54 Việc cung ứng dịch vụ vẫn theo hướng truyền thống, ít gắn với thị trường
- 57 Hình thành thị trường cung ứng DVHTKD không chính thức

Thiếu hụt thông tin về thị trường cung ứng DVHTKD

Cùng với kết quả điều tra doanh nghiệp, thì thông tin thu được từ phỏng vấn sâu tại một số địa bàn khảo sát đã cho thấy tình trạng thiếu hụt thông tin về thị trường cung ứng DVHTKD.

Trong khi các doanh nghiệp đánh giá cao hiệu quả của việc sử dụng các DVHTKD đối với hoạt động của doanh nghiệp, thì phần lớn các doanh nghiệp không nắm bắt được thông tin cụ thể về các nhà cung cấp dịch vụ có mặt trên thị trường, cùng với chất lượng và giá cả dịch vụ. Đặc biệt là với các dịch vụ tư vấn về tài chính, kế toán, thuế, kiểm toán, tư vấn pháp lý hoặc công nghệ... Điều này dẫn tới tình trạng là dù có nhu cầu, nhưng doanh nghiệp cũng khó có thể tìm được nhà cung cấp phù hợp.

Dù vậy, thực tiễn cũng cho thấy nhận thức và tính chủ động của doanh nghiệp đối với tìm hiểu thông tin và sử dụng các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp cũng cần được cải thiện. Một ví dụ, là dịch vụ tư vấn pháp lý, thường chỉ khi doanh nghiệp đã gặp rủi ro mới tìm đến hỗ trợ pháp lý. Rất ít các doanh nghiệp chủ động tìm đến hỗ trợ pháp lý ngay từ khi chuẩn bị giao kết hợp đồng. Phần nhiều các tranh chấp hoặc rủi ro của doanh nghiệp nảy sinh từ chính điều này.

Khó khăn trong gia nhập thị trường của các nhà cung cấp tư nhân

Hầu hết các DVHTKD đều liên quan tới các ngành nghề đăng ký kinh doanh có điều kiện. Ví dụ như tư vấn về pháp luật, về kế toán, thuế, công nghệ... Mặc dù gần đây đã có những gỡ bỏ rào cản gia nhập thị trường cho các doanh nghiệp trong những lĩnh vực này, khi một loạt quy định mới liên quan tới cắt giảm điều kiện kinh doanh đã được thực hiện, nhưng trên thực tế việc gia nhập thị trường của các doanh nghiệp tư nhân vẫn còn không ít khó khăn. Điều tra PCI 2017 cho thấy riêng trong lĩnh vực thương mại, dịch vụ, trong số những doanh nghiệp cần có giấy phép kinh doanh có điều kiện, thì có tới 42% cho biết gặp khó khăn trong việc xin những loại giấy phép này.

Bên cạnh đó, một số quy định hiện hành cũng đang giới hạn phạm vi của việc cung ứng các DVHTKD. Ví dụ, theo quy định luật hiện hành, phạm vi của dịch vụ đại lý thuế chỉ làm thủ tục về thuế, mà không được thực hiện dịch vụ kế toán. Do vậy, khi doanh nghiệp muốn thuê ngoài dịch vụ kế toán, kê khai thuế thì buộc phải phải thuê hai đơn vị, một đơn vị cung cấp dịch vụ đại lý thuế và một đơn vị cung cấp dịch vụ kế toán. Điều này gây khó khăn cho doanh nghiệp vì các đối tượng sử dụng dịch vụ này chủ yếu là các doanh nghiệp nhỏ, siêu nhỏ, họ muốn thuê một dịch vụ trọn gói thực hiện sổ sách và khai thuế và giúp giảm bớt chi phí cho doanh nghiệp. Quy định này cũng tác động không nhỏ tới các công ty tiến hành dịch vụ tư vấn thuế và kế toán, làm giảm tính hiệu quả và linh hoạt của doanh nghiệp và gián tiếp làm hạn chế sự phát triển của các dịch vụ này.

Thực tiễn khảo sát tại các địa phương cũng cho thấy, ngoại trừ 5 thành phố trực thuộc trung ương, thì số lượng nhà cung cấp DVHTKD của tư nhân, cụ thể là tư vấn pháp lý, đại lý thuế, dịch vụ kế toán, hải quan... là tương đối ít, thậm chí một số dịch vụ như tư vấn thuế còn không có tại một số địa phương.

Việc cung ứng dịch vụ vẫn theo hướng truyền thống, ít gắn với thị trường

Ngoại trừ ở 5 thành phố trực thuộc trung ương, thì hầu hết việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp tại các tỉnh còn lại vẫn theo hướng truyền thống. Nghĩa là thiên về việc cung cấp các DVHTKD thông qua các tổ chức của khu vực công đảm nhiệm. Ví dụ, việc tổ chức các đoàn xúc tiến đầu tư, thương mại, kết nối kinh doanh, đào tạo nâng cao năng lực cho doanh nghiệp... hiện phần lớn đều do các Trung tâm xúc tiến đầu tư, Sở Kế hoạch đầu tư, Sở Công Thương... của các tỉnh/thành phố thực hiện.

Mặc dù hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp đã được chính quyền một số tỉnh, thành phố quan tâm và đạt được nhiều kết quả tương đối khả quan, thì ở không ít các địa phương vẫn tồn tại những hạn chế sau:

- Nhiều địa phương chưa có chương trình phát triển các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp một cách tổng thể. Nhận định từ một cán bộ tỉnh cho thấy: “Tỉnh chưa có chương trình hoạt động cụ thể rõ ràng và hiệu quả rõ trong hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Các chương trình đề án hỗ trợ doanh nghiệp phát triển chưa có ban chỉ đạo chung, chưa có kế hoạch tổng thể, hoạt động vẫn mang nặng cảm tính”.
- Các kế hoạch chương trình hỗ trợ doanh nghiệp thường bị chia nhỏ theo từng năm và giới hạn trong nội bộ từng sở, ngành, chính vì vậy hiệu quả của hoạt động thường kém, không có tác động rõ rệt. Thêm vào đó, còn gây ra rất nhiều lãng phí về mặt kinh tế và kém hiệu quả trong sử dụng ngân sách nhà nước khi nảy sinh nhiều đầu mối quản lý.
- Tình trạng chung về việc thiếu kinh phí và không có nguồn lực trong triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp. Nhiều chương trình đề án hỗ trợ doanh nghiệp chỉ xây dựng được kế hoạch nhưng thiếu kinh phí nên chưa triển khai được.
- Chất lượng công tác đào tạo, tập huấn chưa cao, mở nhiều chương trình, nhiều khóa, nhiều lớp tập huấn nhưng mang nặng hình thức, chỉ chú trọng về số lượng lớp học được tổ chức và số học viên tham dự. Chưa chú trọng đến chất lượng, chưa đáp ứng đúng nhu cầu của doanh nghiệp, nội dung khóa học không thiết thực, không liên quan nhiều tới doanh nghiệp, nội dung các khóa học chưa đáp ứng được kỳ vọng của doanh nghiệp. Có doanh nghiệp cho biết: “tỉnh đã tổ chức khá nhiều khóa đào tạo nhưng không phải là những nội dung doanh nghiệp cần và quan tâm, tỉnh chỉ cung cấp cái tỉnh có mà chưa nắm bắt cái doanh nghiệp cần”.
- Hầu hết các tỉnh đều chưa tiến hành khảo sát đánh giá về chất lượng dịch vụ cung ứng, do vậy thiếu vắng cơ sở cho việc cải thiện chất lượng, hiệu quả các hoạt động.

- Nhiều doanh nghiệp cho biết không được kịp thời thông tin về những các chương trình, biện pháp hỗ trợ cho doanh nghiệp, hoặc tỉnh có chính sách ưu đãi nhưng doanh nghiệp không thể hoặc rất khó tiếp cận. Lãnh đạo một Hiệp hội doanh nghiệp cho biết: “Chính sách hỗ trợ vay vốn tín dụng thì có nhưng các thủ tục để đáp ứng được các chính sách ưu đãi này vô cùng phức tạp và khó khả thi”. Các chương trình hỗ trợ đổi mới công nghệ của một số tỉnh cũng nằm trong tình trạng tương tự: các hoạt động lựa chọn doanh nghiệp để hỗ trợ trong khuôn khổ chương trình chỉ diễn ra trong nội bộ lãnh đạo sở, chưa công khai minh bạch và có bên thứ ba tham dự đánh giá và giám sát. Còn tình trạng chỉ những doanh nghiệp lớn mới có thể tiếp cận thông tin về các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp của tỉnh. Kết quả chỉ các doanh nghiệp lớn thì lại tận dụng được các chương trình hỗ trợ, trong khi đối tượng cần đặc biệt quan tâm hỗ trợ là các doanh nghiệp nhỏ và vừa thì lại không biết và khó tiếp cận.
- Thiếu vắng hoạt động dịch vụ tư vấn về tài chính, kế toán, thuế, kiểm toán, tư vấn pháp lý doanh nghiệp... Các hình thức hỗ trợ pháp lý còn nghèo nàn, nội dung hỗ trợ sơ sài, số lượng và trình độ cán bộ tham gia trong các hoạt động hỗ trợ pháp lý đều rất hạn chế chính vì vậy dẫn đến sự kém hiệu quả trong công tác này.
- Hoạt động xúc tiến đầu tư còn rất yếu, thiếu vắng các kênh thông tin về thị trường, kết nối đối tác, bạn hàng và các nhà cung cấp, các kênh tư vấn về nhân hàng, xây dựng thương hiệu, sản phẩm, tư vấn về chính sách kinh tế, quy hoạch phát triển...
- Cơ chế phối hợp giữa sở ngành trong công tác tháo gỡ khó khăn và thực hiện hoạt động hỗ trợ của doanh nghiệp còn nhiều hạn chế và kém hiệu quả.

Mặc dù việc các tổ chức công tham gia cung ứng DVHTKD cho doanh nghiệp là cần thiết trong bối cảnh sự tham gia của khu vực tư tại nhiều địa phương còn ít, nhưng tình trạng này cũng làm nảy sinh một số bất cập sau:

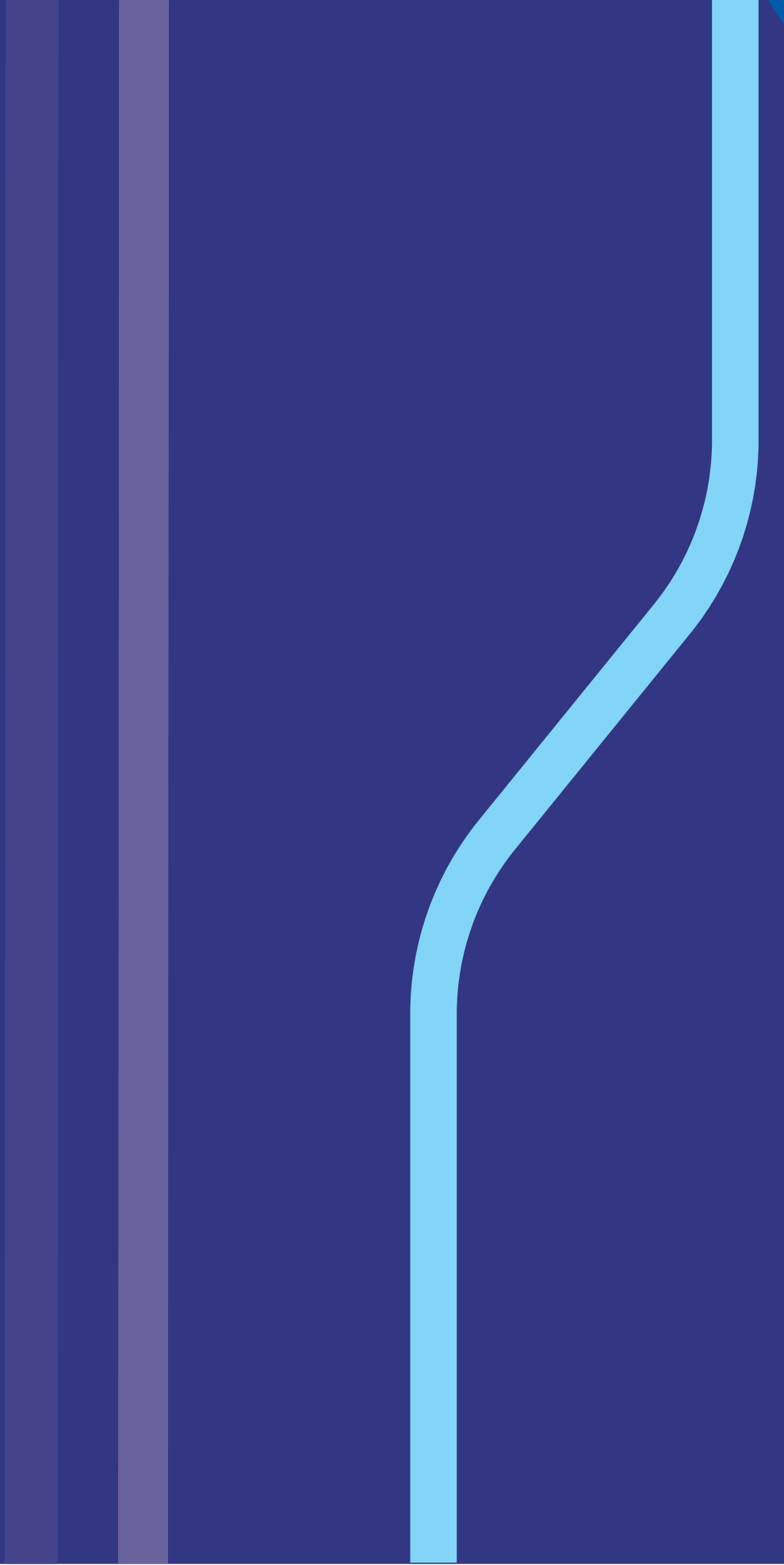
- Hoạt động của dịch vụ kém hiệu quả, chông chéo với hoạt động quản lý nhà nước. Do không phải là chức năng chính của cơ quan/tổ chức, nên hoạt động này thường không được bài bản, chuyên nghiệp. Đặc biệt, do vẫn là một bộ phận của cơ quan nhà nước nên nặng về hành chính, mang tính độc quyền nên chưa có nhiều sức ép để cải thiện chất lượng dịch vụ, hiệu quả và do vậy chưa đáp ứng được nhu cầu của cộng đồng doanh nghiệp;
- Các dịch vụ này hầu hết do các cơ quan nhà nước thực hiện, chính vì vậy xảy ra tình trạng: các cơ quan nhà nước vừa là nơi đưa ra các điều kiện, quy định vừa là nơi trực tiếp thực hiện công việc, dịch vụ, dẫn đến nguy cơ gây ra tình trạng không minh bạch. Nhiều quy định của luật bị làm biến dạng khi thực hiện, nhiều dịch vụ có tính “đăng ký”, “thông báo” nhưng trên thực tế biến thành “xin-cho”. Các điều kiện cung cấp dịch vụ sự nghiệp công do Nhà nước ban hành và cơ quan nhà nước ở các cấp lại trực tiếp thực hiện dịch vụ sự nghiệp công. Việc kiểm tra tính tuân thủ các điều kiện dịch vụ sự nghiệp công cũng do cơ quan nhà nước thực hiện;
- Nảy sinh hiện tượng chèn lấn sự phát triển của khu vực tư nhân, thậm chí cản trở sự tham gia của các doanh nghiệp tư nhân vào vào thị trường cung cấp dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Điều này khiến cho các doanh nghiệp khó tham gia thị trường cung ứng dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và có rất ít cơ hội phát triển, từ đó dẫn tới việc thiếu hụt các nhà cung cấp dịch vụ có chất lượng;
- Chi phí gia tăng cho cộng đồng doanh nghiệp nói chung trong việc tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp. Các doanh nghiệp có nhu cầu sử dụng dịch vụ có chất lượng cao thường phải mất thời gian và chi phí nhiều hơn, khi buộc phải tìm tới nhà cung cấp dịch vụ ở các trung tâm kinh tế lớn, ví dụ như Hà Nội, Tp. Hồ Chí Minh, trong khi lẽ ra có thể sử dụng các dịch vụ hỗ trợ có chất lượng cao sẵn có tại chính tỉnh, thành phố mà mình đang hoạt động.

Hình thành thị trường cung ứng DVHTKD không chính thức

Hệ quả của việc thiếu hụt thông tin, tình trạng khó tham gia thị trường của nhà cung ứng dịch vụ tư nhân và cách thức cung ứng các DVHTKD theo hướng truyền thống vẫn diễn ra ở nhiều địa phương hiện nay, đã dẫn tới sự hình thành và vận hành của thị trường cung ứng dịch vụ không chính thức. Một số cá nhân, tổ chức tư nhân vì không đáp ứng được điều kiện của việc gia nhập thị trường, thì vẫn cung cấp dịch vụ, song không đăng ký theo quy định pháp luật. Điều này dẫn tới rủi ro cho chính cả bên cung ứng dịch vụ cũng như bên sử dụng dịch vụ, khi hoạt động này không được chính thức hóa.

Tuy nhiên, vấn đề nghiêm trọng hơn là xuất hiện tình trạng một số cán bộ, công chức của chính các sở ngành chịu trách nhiệm giải quyết TTHC lại ‘làm dịch vụ’ cho các doanh nghiệp. Hiện tượng này xuất hiện sẽ làm méo mó thị trường cung cấp dịch vụ tại các địa phương, đồng thời có thể dễ nảy sinh những ‘tiêu cực’ trong quá trình giải quyết thủ tục và cũng là nguồn gốc cho những vấn đề về ‘chi phí không chính thức’ mà nhiều doanh nghiệp vẫn phản ánh trong khảo sát doanh nghiệp nhiều năm qua.

05





KẾT LUẬN

Việc sử dụng các DVHTKD có tác động quan trọng đối với doanh nghiệp, nhất là với các DNNVV, khi có thể giúp các doanh nghiệp tập trung nguồn lực vốn đã hạn chế của mình vào quá trình sản xuất kinh doanh, tránh sự phân tán nguồn lực vào những hoạt động khác dẫn đến hiệu quả thấp. Kết quả điều tra doanh nghiệp tại Việt Nam gần đây cho thấy, thị trường cung ứng các DVHTKD dù còn tương đối sơ khai, song cũng có những bước phát triển về lượng theo thời gian. Việc sử dụng các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh mang lại nhiều lợi ích cho các doanh nghiệp khi có thể giúp doanh nghiệp mở rộng thị trường, tìm kiếm bạn hàng, cải thiện hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp....

Tại nhiều địa phương, tình trạng thiếu hụt thông tin thị trường cung ứng dịch vụ, sự khó khăn trong việc tham gia thị trường của các nhà cung cấp tư nhân, cách thức cung ứng dịch vụ vẫn theo lối truyền thống, với sự tham gia và chi phối đáng kể của khu vực công, cùng hiện tượng nảy sinh thị trường cung ứng dịch vụ không chính thức, kém chất lượng... đang là những thách thức không nhỏ đối với sự vận hành và phát triển của thị trường cung ứng các DVHTKD và điều này cũng hạn chế sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp.

Để phát triển mạnh mẽ được thị trường DVHTKD, cần thiết phải xây dựng một khuôn khổ pháp lý phù hợp nhằm khuyến khích thị trường này phát triển. Trước hết, cần rà soát và sửa đổi những quy định đang cản trở sự phát triển thị trường DVHTKD, mà cụ thể hơn đó chính là các quy định về điều kiện kinh doanh, điều kiện hành nghề trong nhiều lĩnh vực hiện nay. Cần đảm bảo việc tham gia của khu vực kinh tế tư nhân vào việc cung ứng các DVHTKT theo hướng thị trường, nâng cao hiệu quả sử dụng các nguồn lực của nhà nước với cơ chế giám sát, đánh giá công khai, minh bạch.

Báo cáo này là kết quả ban đầu của sự hợp tác giữa Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam và Viện Friedrich Naumman Việt Nam trong nỗ lực cải thiện môi trường kinh doanh của Việt Nam, vì sự phát triển của cộng đồng doanh nghiệp. Trong thời gian tới, sẽ cần có những điều tra, nghiên cứu chuyên sâu hơn về chủ đề này, nhằm tạo dựng khuôn khổ phù hợp cho sự phát triển lành mạnh của thị trường cung ứng DVHTKD tại Việt Nam.

BỘ CÔNG THƯƠNG - NHÀ XUẤT BẢN CÔNG THƯƠNG

Thiết kế đồ họa: thaidung85@gmail.com

Giấy phép xuất bản số: 253/QĐ-NXBCT, ngày 25 tháng 12 năm 2018

In 200 cuốn, khổ 18,5 x 25,5cm tại Công ty TNHH Một Thành Viên In Công Nghiệp Ánh Dương



PHÒNG THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM (VCCI)

Số 9 Đào Duy Anh, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (84-24) 3577 1460, 3574 6983

Fax: (84-24) 3577 1459, 3577 0632

Email: pci@vcci.com.vn, vcci.pci@gmail.com

SÁCH KHÔNG BÁN